



Số: 30/LXLDK-TCKT

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Báo cáo thường niên năm 2022 của
Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

1. Tên đơn vị : Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC)
2. Mã chứng khoán : PVX
3. Trụ sở chính : Tầng 14, Toà nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 Phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
4. Điện thoại : 04.37689291 Fax: 04.37689290
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Ngô Thị Thu Hoài**
6. Địa chỉ thường trú: F312, C5, khu tập thể Nghĩa Tân, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.
7. Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 04.37689291 Fax: 04.37689290
8. Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ
9. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2022 của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

10. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: <http://pvc.vn/>
<http://petrocons.vn>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT PETROCONS (b/c);
- TGD PETROCONS (b/c);
- Người PT quản trị kiêm thư ký Công ty;
- Lưu: VT, TCKT-KT.

NGƯỜI ĐƯỢC UQCBT

Ngô Thị Thu Hoài

BÁO CÁO **Thường niên năm 2022**

Kính gửi:

- Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

* **Tên công ty bằng tiếng Việt:**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

* **Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:**

PETROVIETNAM CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

* **Tên công ty viết tắt: PETROCONS**

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3500102365

- Vốn điều lệ: 4.000.000.000.000 đồng

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 4.000.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Bốn nghìn tỷ đồng.

* **Địa chỉ:** Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí Việt Nam, số 167 phố Trung Kính, phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

* **Số điện thoại:** 0243.7689291

* **Số fax:** 0243.7689290

* **Website:** www.pvc.vn/ www.petrocons.vn

* **Mã cổ phiếu:** PVX



2. Quá trình hình thành và phát triển:

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PETROCONs) là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PetroVietnam) - Tập đoàn kinh tế hùng mạnh hàng đầu đất nước. 39 năm qua, PETROCONs nỗ lực vươn lên trở thành một doanh nghiệp xây lắp chủ lực của ngành trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí, xây dựng công nghiệp và dân dụng.

- **14/9/1983**, Thi hành các quyết định của Chính phủ (Chỉ thị 224/CT và 225/CT ngày 30/8/1983), Tổng cục Dầu khí ra quyết định thành lập **Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí** với nhiệm vụ thi công các công trình; san lấp mặt bằng, bến cảng, bãi đỗ cần khoan, ống chống, Xí nghiệp cơ khí trung tâm, Xí nghiệp địa vật lý, trạm điện 4,2 MW, Xí nghiệp sản xuất ôxy, axetylen, kho đông lạnh, hố chôn bùn khoan.

- **19/9/1995**, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam đã quyết định chuyển đổi Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí thành **Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí (PVECC)** - bước phát triển rất quan trọng, tạo ra sự thay đổi cả về chất lẫn về lượng của ngành Xây dựng Dầu khí Việt Nam.

- **1/4/2006**, sau gần hai năm thực hiện tiến trình cổ phần hóa, **Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí (PVC)** chính thức đi vào hoạt động với một mô hình quản lý mới: tinh, gọn, nhẹ và năng động.

- **26/10/2007**, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ký Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty cổ phần xây lắp dầu khí thành **Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC/PETROCONs)**.

- **19/8/2008**, Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam niêm yết 150 triệu cổ phiếu với mã PVX trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- **2010**, PVC thi công chế tạo chân đế lớn nhất từ trước đến nay ở Việt Nam: Dự án giàn mô Đại Hùng sâu 110 m nước, trong lượng 7.200 tấn; Dự án Biển Đông mô Mộc Tinh sâu 130m nước, với khối lượng trên 13 nghìn tấn.

- **1/2013**, theo đề án tái cơ cấu Tập đoàn Dầu khí Việt Nam được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 5/1/2013, PVC sẽ trở thành đơn vị chủ lực của PVN trong lĩnh vực xây lắp các công trình dầu khí trên bờ.

- **20/01/2022**, Đại hội đồng cổ đông bất thường tháng 01/2022 Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã có Nghị quyết số 28/NQ-ĐHĐCĐ-XLKD thông qua việc đổi tên viết tắt của Tổng công ty từ PVC thành PETROCONS và Bộ nhận diện thương hiệu của Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

Trải qua 40 năm hình thành và phát triển, PETROCONS đã và đang khẳng định uy tín, năng lực vượt trội trên các công trình trọng điểm của ngành Dầu khí và đất nước. Từ Căn cứ Dịch vụ Tổng hợp trên bờ tại Vũng Tàu, đến các công trình Đường ống dẫn khí từ Long Hải về các khu công nghiệp Phú Mỹ, Mỹ Xuân, Đồng Nai; các công trình trọng điểm quốc gia như Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Cụm khí điện đạm Cà Mau, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng I và mới nhất là Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình II... đều ghi dấu vai trò quan trọng của Tổng Công ty PETROCONS.

Trưởng thành qua từng công trình, dự án, từ vai trò thầu phụ cho các nhà thầu quốc tế, PETROCONS đã vươn lên trở thành Tổng thầu EPC thực hiện các công trình có quy mô ngày càng lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp như: Tổng kho LPG Gò Dầu, Nhà máy nhiệt điện Thái Bình II, Nhà máy Nhiệt điện Nhơn Trạch II...

Đặc biệt, PETROCONS tiếp tục khẳng định thế mạnh trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành Dầu khí qua việc thực hiện thi công hầu hết các dự án về vận chuyển, tàng trữ dầu và khí theo hình thức EPC như Kho xăng dầu Cù Lao Tào, Kho chứa LPG và trạm xuất xe bồn Dung Quất... Trong lĩnh vực thiết kế, chế tạo, xây lắp giàn khoan, chân đế giàn khoan: PETROCONS thi công chế tạo hàng loạt công trình xây lắp, kết cấu trọng điểm trên cả nước của ngành Dầu khí Việt Nam trong đó có những công trình lớn kỷ lục Việt Nam như chân đế giàn khoan Đại Hùng, chân đế và khối thượng tầng giàn Mộc Tinh 1 – Dự án Biển Đông...

PETROCONS không ngừng việc củng cố, phát triển các lĩnh vực thế mạnh truyền thống như xây dựng hệ thống tàng trữ, vận chuyển các sản phẩm dầu khí, cơ khí lắp đặt và chế tạo các thiết bị dầu khí...

PETROCONS còn khẳng định thương hiệu của mình trong lĩnh vực xây dựng công nghiệp và dân dụng. PETROCONS có bước tiến vượt bậc trong công nghệ xây dựng nhà cao tầng như: Trung tâm Tài chính Dầu khí, Văn phòng Viện Dầu khí, Toà nhà Dầu khí Phú Mỹ Hưng, Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu, Cao ốc văn phòng Dragon Tower...

Trên những chặng đường đã qua, Tổng công ty và các đơn vị thành viên đã không ngừng trưởng thành, góp phần vào sự phát triển chung của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam và của đất nước.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh chính:

3.1 Ngành nghề:

a. Xây lắp chuyên ngành dầu khí

PETROCONs là doanh nghiệp chủ lực của ngành dầu khí trong lĩnh vực xây lắp chuyên ngành dầu khí. Đây là lĩnh vực hoạt động chủ đạo, tạo nên uy tín, thương hiệu PETROCONs trong 40 năm qua, trong đó các hoạt động mũi nhọn bao gồm:

- Thiết kế, thi công xây dựng, lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí, giàn khoan, chân đế giàn khoan (trên đất liền, ngoài biển), các kết cấu kim loại, bồn bể chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, nước.
- Chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hóa chất.
- Kinh doanh vật tư, thiết bị xây dựng và thiết bị phục vụ ngành dầu khí.

b. Xây dựng công nghiệp

PETROCONs còn được biết đến với vai trò là nhà thầu xây dựng có năng lực trong xây dựng các công trình công nghiệp lớn trong và ngoài ngành dầu khí:

- Đầu tư, xây dựng các nhà máy chế tạo cơ khí, đóng tàu, xi măng vật liệu xây dựng...
- Khảo sát, thiết kế, tư vấn, thi công lắp đặt hệ thống máy móc, thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong xây dựng công nghiệp.
- Đầu tư, thiết kế và tổng thầu các dự án hạ tầng, giao thông, thủy lợi, đê kè, bến cảng...
- Xây dựng các nhà máy khí điện, nhiệt điện, lắp đặt hệ thống đường dây tải điện.

c. Xây dựng dân dụng

PETROCONs đã tham gia đầu tư, tư vấn, thiết kế, xây dựng nhiều công trình dân dụng, văn phòng, khách sạn, khu nghỉ dưỡng, chung cư cao cấp, đặc biệt nhà kết cấu thép, nhà cao tầng của ngành Dầu khí và nhiều địa phương trên cả nước. PETROCONs còn tham gia đầu tư xây dựng và khai thác các dự án khu công nghiệp và hạ tầng khu công nghiệp; đầu tư xây dựng các khu đô thị mới.

d. Sản xuất công nghiệp

Song song với việc đẩy mạnh hoạt động xây lắp theo các lĩnh vực, PETROCONs chú trọng đầu tư cho lĩnh vực sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng và cơ khí chế tạo chuyên ngành dầu khí và sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí).

3.2 Địa bàn kinh doanh:

Địa bàn kinh doanh của PETROCONS bao gồm xây dựng, lắp đặt, sửa chữa các công trình công nghiệp, dân dụng trải rộng trong cả nước. Trong 2 năm gần đây tập trung doanh thu chủ yếu ở Thái Bình (dự án NMNĐ Thái Bình 2) và Hậu Giang (dự án NMNĐ Sông Hậu 1).

4. Thông tin về mô hình quản trị và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:



- Các công ty con, công ty liên kết:

Stt	Tên Đơn vị	Địa chỉ	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ góp vốn của PetroCons	Lĩnh vực SXKD chính
I	Các Công ty con/chi phối				
1	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường Thắng Nhất, TP Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT	600	50,97%	Khảo sát, tư vấn, thiết kế và bán buôn các thiết bị, máy móc liên quan công trình dầu khí; Gia công cơ khí ...
2	Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC)	Số 35G đường 30/4, phường 9, TP Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT	200	51%	Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng khác: Thi công các công trình đường ống, bồn bể chứa; Thi công tác công trình đường ống dẫn khí, dẫn ga, các hệ thống công nghệ, bồn chứa, bồn chịu áp lực, bồn chứa khí hoá lỏng...
3	Công ty CP Xây dựng công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Số 35D đường 30/4, phường 9, TP Vũng Tàu, Tỉnh BR-VT	300	51%	Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng; Xây dựng các công trình hạ tầng, cầu cảng...; Đầu tư xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp; Đầu tư xây lắp các công trình Dầu khí; Đầu tư xây dựng kinh doanh khu đô thị...
4	Công ty CP Đầu tư	Số 458 đường Lý Bôn,	450	72,22%	Dịch vụ lưu trữ ngắn ngày; Nhà hàng và

	và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình)	phường Đề Thám, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình			các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Đại lý du lịch; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng nhà các loại, hoàn thiện công trình xây dựng; Kinh doanh BĐS...
5	Công ty CP Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô)	Tầng 2 tòa nhà Dolphin Plaza 28 Trần Bình - Mỹ Đình - Hà Nội	500	34,87%	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; Kinh doanh BĐS; XD các công trình kỹ thuật dân dụng khác; XD công trình công ích; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng...
6	Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC-Bình Sơn)	Số 33, Hai Bà Trưng, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi	365,5	46,51%	Gia công cơ khí; Thoát nước và xử lý nước thải; Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng...
7	Công ty CP Phát triển đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	Lô D khu đô thị Dầu khí, Ngõ Quyền, P1, Cà Mau	280,689	53,44%	Tư vấn lập hồ sơ thiết kế quy hoạch xây dựng và thiết kế đô thị; Thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật; Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản...
II Các Công ty liên kết, đầu tư tài chính					
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Số 1 ngõ 86 Chùa Hà - Hà Nội	300	35,83%	Xây dựng các công trình kỹ thuật dân dụng trong và ngoài ngành dầu khí, sản xuất gia công kim loại; Kinh doanh bất động sản...
2	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	Tầng 4 toà nhà Sannam - phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	500	40%	Thi công xây dựng các công trình dầu khí, các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; Chuẩn bị mặt bằng; Xây dựng, nền móng cửa toà nhà...
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC Duyên Hải)	Tầng 4 khách sạn Dầu khí, số 427 đường Đà Nẵng - P. Đông Hải 1 - Q.Hải An - Hải Phòng	136,73	42,46%	Kinh doanh khách sạn; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, khu công nghiệp, giao thông thủy lợi, khu đô thị, hạ tầng cơ sở...
4	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá (PVC-TH)	Tầng 10 tòa nhà PVFC Land - 38A đại lộ Lê Lợi - TP.Thanh Hóa	210	36%	Đầu tư xây dựng (khu công nghiệp, khu đô thị, văn phòng, khách sạn...); Kinh doanh bất động sản; Sản xuất VLXD, Cơ khí...
5	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	KĐT mới Đông Hương - TP.Thanh Hóa	190	30%	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Đại lý du lịch; Hoạt động tổ chức các sự kiện; Xây dựng công trình công ích; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; Kinh doanh bất động sản...
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Tầng 9 tòa nhà Trung tâm Tài chính Dầu khí Đà Nẵng - Lô A2.1 đường 30/4, Quận Hải Châu - TP Đà Nẵng	150	48,27%	Đầu tư, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp trong và ngoài ngành dầu khí; Đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ...
7	Công ty Cổ phần thiết kế quốc tế Heerim PVC	P.1401 A2 khu Vinaconex 1, 289A Khuất Duy Tiên, Hà Nội	8,5	44%	Thiết kế, giám sát, tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng...
8	Công ty Cổ phần TM và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petrolink)	Số 12 ngách 15/10 phố Pháo Đài Láng, P.Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	3,6	97,22%	Truyền thông, Tổ chức sự kiện, thương mại

9	Công ty CP Trang trí nội thất Dầu khí (PVC-ID)	Số 1 ngõ 86 Chùa Hà - Hà Nội	40	49,98%	Đầu tư xây dựng, trang trí nội ngoại thất công trình...
10	Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp DK Nghệ An - PVNC	Nhà A2/07 Tòa nhà PVNC2-CT2, Số 6 đường Nguyễn Quốc Trị, phường Hưng Bình, thành phố Vinh, Nghệ An	218,46	22,64%	Đầu tư, xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình dân dụng và công nghiệp; Đầu tư kinh doanh địa ốc, hạ tầng phụ trợ...
11	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu Khí Sài Gòn (PVC-SG)	Số 02 Nguyễn Gia Thiều P6, Q3, TP.Hồ Chí Minh	350	24,72%	Kinh doanh bất động sản, cho thuê bất động sản đầu tư và cung cấp các dịch vụ kèm theo...
12	Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	280 Trần Hưng Đạo, phường Đại Phúc, Tp Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	150	15,67%	Thiết kế, xây dựng công trình dầu khí, dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình cấp thoát nước; San lấp mặt bằng; trang trí nội ngoại thất, kinh doanh VLXD; Lắp đặt trang thiết bị cho các công trình xây dựng...
13	Công ty CP Xây lắp Dầu khí PVC Trường Sơn	Số 251A, đường Quang Trung, phường Phú Hải, Đồng Hới, Quảng Bình	75,13	3,99%	Đầu tư xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; thủy lợi, đê kè, bến cảng, cầu cảng; san lấp mặt bằng; Sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, vật liệu xây dựng...
14	Công ty CP xi măng Hạ Long	Xã Thống Nhất - Hoàn Bồ - Quảng Ninh	1.942,095	7,58%	Sản xuất, kinh doanh xi măng; Khai thác nguyên, nhiên vật liệu và các phụ gia phục vụ cho sản xuất xi măng...
15	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng cảng và hạ tầng Việt Nam (VIPICO)	P1206 tòa nhà 17T2 KĐT Trung Hòa Nhân chính, Cầu Giấy, Hà Nội	250	5%	Sản xuất, mua bán gang thép; Khai thác và chế biến mua bán khoáng sản; Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, giao thông, thủy lợi, thủy điện, nhiệt điện; Mua bán VLXD, đồ trang trí nội, ngoại thất, thiết bị vệ sinh...
16	Công ty CP Xây lắp Dầu khí 4	A4 lô 11 Định Công, Hà Nội	25	10%	Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội, ngoại thất; Kinh doanh bất động sản; Xây dựng dân dụng, công nghiệp; Trang trí nội, ngoại thất công trình...
17	Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	Số 1 Đồng Tiến, cụm Công nghiệp An Xá, Nam Định	55,9	5%	Xây dựng dân dụng, công nghiệp; Sản xuất gia công cơ khí; San lấp mặt bằng...
18	Công ty CP Thiết bị nội ngoại thất Dầu khí	Tầng 5, P502, Số 60 Lê Trung Nghĩa, P12, Q. Tân Bình, TP.HCM	70	20,86%	Sản xuất, mua bán, lắp đặt thiết bị trong xây dựng; Hoàn thiện công trình xây dựng...

5. Định hướng phát triển của PETROCONS:

5.1 Các mục tiêu chủ yếu của PETROCONS:

- Tập trung giải quyết dứt điểm các vấn đề tồn tại, phát huy có hiệu quả các nguồn lực, lợi thế hiện có của PETROCONS và các đơn vị; thu gọn mô hình tổ chức SXKD, tập trung và ngành nghề kinh doanh chính, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh và phát triển bền vững;

- Khôi phục hoạt động SXKD của PETROCONs, đạt mục tiêu có lợi nhuận và có lộ trình hoàn vốn điều lệ; từng bước khẳng định thương hiệu, uy tín của PETROCONs trong lĩnh vực thi công xây lắp và các lĩnh vực kinh doanh khác của Tổng công ty.

- Xây dựng PETROCONs trở thành một trong những đơn vị dịch vụ kỹ thuật có năng lực, trình độ kỹ thuật cao, Tổng thầu EPC lớn trong lĩnh vực thi công xây lắp các công trình dầu khí.

5.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tiếp tục xác định ngành nghề kinh doanh chính của PETROCONs là thi công xây lắp các công trình chuyên ngành dầu khí, công trình công nghiệp và cơ sở hạ tầng. Trong đó, Công ty mẹ PETROCONs là tổng thầu EPC các công trình, trực tiếp tổ chức quản lý, điều hành và triển khai các dự án mà PETROCONs là tổng thầu/Nhà thầu.

- Nâng cao năng lực thiết kế, mua sắm để chủ động hơn nữa trong công tác quản lý, thực hiện các phần việc thiết kế, mua sắm trong các phần việc của tổng thầu EPC.

- Sắp xếp, đổi mới nâng cao hiệu quả để có cơ cấu hợp lý, tập trung vào lĩnh vực, ngành nghề then chốt và các dự án trọng điểm, từng bước xây dựng và nâng cao năng lực cạnh tranh tại thị trường trong nước và dần mở rộng ra thị trường ngoài nước.

- Tổ chức sắp xếp, thu gọn các đơn vị thành viên/các công ty con theo hướng chuyên môn hóa vào từng lĩnh vực sản xuất kinh doanh phù hợp với chuỗi liên kết, ngành nghề kinh doanh của PETROCONs, phân đấu các đơn vị thành viên tự chủ trong hoạt động SXKD không tạo sự cạnh tranh về thị trường giữa các đơn vị thành viên trong Tổng công ty.

- Định hướng phát triển giai đoạn 2026-2030: Giữ vững nguồn việc ổn định, phát triển và tăng trưởng các chỉ tiêu sản lượng doanh thu. Từng bước đưa PETROCONs trở thành đơn vị xây lắp chuyên ngành dầu khí, công trình công nghiệp và cơ sở hạ tầng đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp hàng đầu trong nước.

- Định hướng phát triển giai đoạn 2031-2035: Tiếp tục giữ vững tỷ lệ tăng trưởng hàng năm, mở rộng thị trường ra ngoài nước. Khẳng định thương hiệu, uy tín của PETROCONs trong lĩnh vực tổng thầu EPC thi công xây lắp trong nước.

6. Các rủi ro tiềm ẩn ảnh hưởng đến kết quả SXKD năm 2022

6.1 Rủi ro từ bên ngoài:

- Rủi ro về kinh tế:

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, giá cả vật tư, vật liệu, nhiên liệu... cũng như chính sách phát triển sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và của PETROCONs nói riêng. Đặc biệt như trong năm 2022, lãi suất cho vay bình quân các ngân hàng thương mại đối với

các khoản cho vay mới và cũ còn dư nợ tăng lên ở mức 8,8%-10,3% (so với năm 2021 là 7,6%-9,2%) làm ảnh hưởng đến tiến độ đầu tư các dự án của chủ đầu tư, nhiều chủ đầu tư không thu xếp được nguồn vốn đã dừng/ giảm tiến độ triển khai dự án, tác động gián tiếp đến nguồn việc của các doanh nghiệp xây lắp nói chung và của PETROCONS nói riêng. Bên cạnh đó, lãi suất cho vay tăng cao ảnh hưởng trực tiếp đối với chi phí tài chính của PETROCONS và các đơn vị thành viên khi thực hiện vay vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Rủi ro đặc thù:

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính của PETROCONS là xây dựng- là ngành sản xuất kinh doanh phức tạp, tiềm ẩn nhiều yếu tố rủi ro có thể kể đến như: rủi ro từ nguồn thanh toán của chủ đầu tư, rủi ro về thanh toán, rủi ro phát sinh từ yếu tố cạnh tranh, rủi ro về nhân sự, rủi ro về an toàn lao động,...

- Rủi ro khác:

Bên cạnh những rủi ro trên, PETROCONS cũng luôn phải đối mặt với các rủi ro không lường trước như thiên tai, bệnh dịch, hỏa hoạn, cháy nổ. Đây là những rủi ro hiếm xảy ra nhưng đòi hỏi doanh nghiệp luôn phải chủ động có phương án phòng ngừa, khắc phục rủi ro thông qua mua bảo hiểm cho nhân viên, tài sản,...

6.2 Rủi ro nội tại:

- Công tác trả nợ gốc và lãi vay đối với khoản vay ủy thác của Tập đoàn do các khó khăn tình hình tài chính (lỗ lũy kế lớn, tại 31/12/2022 của Công ty mẹ PETROCONS là 3.606,265 tỷ đồng), các tài sản/dự án hình thành từ nguồn vốn vay ủy thác của Tập đoàn không phát huy được hiệu quả, một số đơn vị của PETROCONS đã chuyển nhượng/sử dụng vào mục đích khác, dẫn đến PETROCONS khó có khả năng thu xếp dòng tiền để trả nợ vay ủy thác Tập đoàn;

- Tại dự án NMNĐ Thái Bình 2: PETROCONS đối diện với các rủi ro tiềm ẩn, chưa lường hết như: i) Rủi ro phát sinh chi phí do dự án chậm tiến độ và chậm điều chỉnh Hợp đồng EPC; ii) PETROCONS có thể phải đối diện với việc bị phạt hợp đồng với các nhà thầu phụ do chậm thanh toán vì PETROCONS thiếu hụt dòng tiền và dự án bị điều chỉnh tiến độ; iii) Những vướng mắc liên quan tới công tác gia hạn hợp đồng với SDC, hợp đồng chạy thử,... nếu không được giải quyết những rủi ro tiềm ẩn này có nguy cơ cao gây lỗ cho PETROCONS. Hiện nay, các khoản chi phí này chưa được các bên thống nhất số liệu;

- Đối với các công trình/dự án đã hoàn thành, đang chờ quyết toán như dự án NMNĐ Vũng Áng 1, dự án NMNĐ Quảng Trạch, dự án Ethanol, dự án PVTex, dự án Lô B – Ô môn,... khi quyết toán/bàn giao các Dự án/Hợp đồng đều tồn tại và tiềm ẩn các rủi ro liên quan đến việc cắt giảm khối lượng/Thực hiện, ghi nhận tăng chi phí thực hiện theo kết luận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

- Tiềm ẩn rủi ro về thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán như đã trình bày ở trên. Tổng các nghĩa vụ bảo lãnh của PETROCONS đến nay là 266,846 tỷ đồng.

- Tiềm ẩn rủi ro tiếp tục gây lỗ cho PETROCONS từ các khoản đầu tư tài chính như đã trình bày ở trên. Hầu hết các đơn vị đều có khả năng kinh doanh thua lỗ trong các năm tiếp theo nên sẽ tiềm ẩn phải tiếp tục trích lập dự phòng đầu tư tài chính bổ sung.

- Tiềm ẩn rủi ro trong trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi: Tổng các khoản phải thu của Công ty mẹ PETROCONS tại 31/12/2022 là 2.152,726 tỷ đồng, trong đó phải thu ngắn hạn là 2.129,833 tỷ đồng và phải thu dài hạn là 22,893 tỷ đồng. Tổng số trích lập dự phòng phải thu khó đòi (ngắn hạn) là 929,872 tỷ đồng. PETROCONS sẽ tiềm ẩn rủi ro trong việc phải tiếp tục trích lập dự phòng đối với những khoản công nợ không được xử lý và các khoản công nợ khác dự kiến sẽ quá hạn trong các năm tiếp theo.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Kết quả kinh doanh đạt được trong năm 2022 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

T T	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	Tỷ lệ HTKH 2022	Tỷ lệ TH 2022/ TH 2021
1	Giá trị SXKD					
	Hợp nhất	1.428,26	1.250,00	1.494,59	120%	105%
	Công ty mẹ	217,92	600,00	956,30	159%	439%
2	Tổng doanh thu					
	Hợp nhất	2.289,56	1.560,00	1.821,56	117%	80%
	Công ty mẹ	871,98	830,00	1.287,53	155%	148%
3	Lợi nhuận trước thuế					
	Hợp nhất	45,07	(83,00)	2,70		6%
	Công ty mẹ	52,48	(72,00)	53,00		101%
4	Lợi nhuận sau thuế					
	Hợp nhất	43,16	(83,00)	2,93		7%
	Công ty mẹ	52,48	(72,00)	52,30		100%

(*) Giá trị doanh thu và lợi nhuận của toàn tổ hợp và Công ty mẹ được cập nhật theo BCTC sau kiểm toán năm 2022.

Giá trị SXKD toàn tổ hợp thực hiện 1.494,59 tỷ đồng, đạt 120% kế hoạch năm 2022 và bằng 105% so với năm 2021; Riêng Công ty mẹ thực hiện 956,3 tỷ đồng, đạt 159% kế hoạch năm 2022 và bằng 439% so với năm 2021.

Doanh thu toàn tổ hợp thực hiện 1.821,56 tỷ đồng, đạt 117% kế hoạch năm 2022 và bằng 80% so với năm 2021; Riêng Công ty mẹ thực hiện 1.287,53 tỷ đồng, đạt 155% kế hoạch năm 2022 và bằng 148% so với năm 2021.

Lợi nhuận trước thuế toàn tổ hợp lãi 2,7 tỷ đồng; Lợi nhuận sau thuế toàn tổ hợp lãi 2,92 tỷ đồng. Công ty mẹ lợi nhuận sau thuế 52,30 tỷ đồng.

Lỗ lũy kế của Công ty mẹ đến thời điểm 31/12/2022 là 3.607,40 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PETROCONS tại thời điểm 31/12/2022 là 470,05 tỷ đồng tăng 13% so với thời điểm đầu năm.

Tại 07 công ty con PETROCONS nắm quyền chi phối: Có duy nhất DOBC thực hiện vượt mức kế hoạch sản lượng, doanh thu năm 2022, PVC-Bình Sơn hoàn thành kế hoạch giá trị sxkd nhưng không hoàn thành kế hoạch doanh thu. Các đơn vị còn lại không hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch doanh thu đã đề ra. Về chỉ tiêu lợi nhuận, có 03/07 đơn vị hoạt động có lãi là PetroCons-Đông Đô (lợi nhuận đạt 1,85 tỷ đồng), DOBC (lợi nhuận đạt 0,63 tỷ đồng) và PVC-Bình Sơn (lợi nhuận đạt 0,19 tỷ đồng). Các đơn vị còn lại tiếp tục thua lỗ: PVC-IC lỗ 4,88 tỷ đồng (không có nguồn công việc để bù đắp các khoản chi phí thường xuyên của đơn vị), PVC-Thái Bình lỗ 30,32 tỷ đồng (chủ yếu do các khoản chi phí khấu hao, lãi vay, lãi phạt từ dự án KS Dầu khí Thái Bình), PVC-MS lỗ 64,62 tỷ đồng (tạm tính một phần lỗ từ quyết toán gói thầu A2, dự án LHD Long Sơn) và PVC-Mekong lỗ 2,86 tỷ đồng (chủ yếu từ chi phí quản lý).

Trong năm 2022, PETROCONS tập trung dự án trọng điểm NMNĐ Thái Bình 2. Đây cũng là dự án mang lại sản lượng- doanh thu chính giúp hợp nhất và Công ty mẹ hoàn thành vượt mức kế hoạch năm đề ra. Năm 2022, dự án đã đạt được các mốc tiến độ quan trọng như: Đốt lửa lần đầu Tổ máy 1; Hòa đồng bộ Tổ máy 1; Đốt than lần đầu Tổ máy 1; Đốt dầu lần đầu Tổ máy 2; Hòa đồng bộ Tổ máy 2 vào lưới điện quốc gia; Chạy tin cậy Tổ máy 1; đốt than tổ máy 2,...

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành, gồm 7 thành viên, cụ thể:

Stt	Họ và tên	Năm sinh	Quê quán	Địa chỉ thường trú	Trình độ chuyên môn	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu CP có quyền biểu quyết và các CK khác do TCT phát hành	Ghi chú
1	Mr. Phan Từ Giang	1972	Hà Tĩnh	Quận Ba Đình, Hà Nội	Kỹ sư chế tạo máy điện và Thiết bị điện	Tổng giám đốc	0	
2	Mr. Nguyễn Văn Đồng	1965	Bình Định	Quận Long Biên, Hà Nội	Cử nhân Kinh tế	Phó Tổng giám đốc	0	
3	Mr. Nguyễn Trung Trí	1972	Cà Mau	Thành phố Cà Mau	Thạc sĩ QTKD Kiến trúc sư Cử nhân chính trị	Phó Tổng giám đốc	0	
4	Mr. Bùi Sơn Trường	1970	Nghệ An	Quận Thanh Xuân, Hà Nội	Thạc sĩ QTKD Kỹ sư - ngành cơ khí chế tạo máy	Phó Tổng giám đốc	0	
5	Mr. Hoàng Quyết Thăng	1979	Nam Định	Quận 7, TP HCM	Kỹ sư chuyên ngành Công nghệ hàn và CNVL Kim loại	Phó Tổng giám đốc (CB biệt phái của Tập đoàn)	0	

6	Mr. Vũ Mạnh Quang	1979	Nam Đĩnh	Quận Long Biên, Hà Nội	Thạc sĩ Kỹ thuật Nhiệt Kỹ sư Nhiệt điện	Phó Tổng giám đốc (CB biệt phái của Tập đoàn)	0	
7	Mr. Vũ Minh Công	1979	Nam Đĩnh	Phòng 801, chung cư Seaview 2, phường 10, Thành phố Vũng Tàu.	Cử nhân Kinh tế	Kế toán trưởng	0	

- Những thay đổi trong Ban điều hành:

+ Ông Nguyễn Đức Tuấn thôi giữ chức Kế toán trưởng Tổng công ty từ ngày 04/01/2022;

+ Bổ nhiệm ông Vũ Minh Công giữ chức Kế toán trưởng Tổng công ty từ ngày 04/01/2022;

+ Ông Nguyễn Anh Tuấn thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty từ ngày 26/01/2022;

+ Tiếp nhận và bổ nhiệm ông Hoàng Quyết Thắng giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty từ ngày 26/01/2022;

+ Ông Chu Thanh Hải thôi giữ chức Phó Tổng giám đốc Tổng công ty từ ngày 01/02/2022;

- Số lượng CBCNV: Tổng số CBCNV tính đến 31/12/2022 của PETROCONS là 1.470 người, trong đó Công ty mẹ Tổng công ty là 240 người.

- Năm 2022 không thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn bao gồm đầu tư tài chính, đầu tư các dự án:

- Đầu tư các dự án: Năm 2022, PETROCONS và các đơn vị thành viên không thực hiện đầu tư dự án.

- Đầu tư tài chính: Năm 2022, Công ty mẹ PETROCONS không thực hiện công tác đầu tư tài chính bổ sung.

Tại 31/12/2022, PETROCONS có 25 đơn vị thành viên, có vốn góp của PetroCons với tổng giá trị đầu tư theo mệnh giá là: 2.320,133 tỷ đồng và tổng giá trị đầu tư theo giá trị đầu tư thực tế là 2.326,55 tỷ đồng. Trong đó có 07 công ty con với giá trị đầu tư góp vốn là 1.384,91; 11 Công ty liên kết với giá trị đầu tư góp vốn là 735,449 tỷ đồng và 07 Công ty đầu tư tài chính với giá trị đầu tư góp vốn là 206,195 tỷ đồng. Trong năm 2022, PETROCONS thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính là 57,508 tỷ đồng (tại PVC IC là 3,799 tỷ đồng, tại PVC MS là 32,943 tỷ đồng, tại PVC TB là 21,907 tỷ đồng) và hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính là 1,141 tỷ đồng (Hoàn nhập dự phòng tại các đơn vị: ĐOBC 322 triệu đồng, PVC Đông Đô 731,596 triệu đồng, PVC Bình Sơn 87,305 triệu đồng). Lũy kế đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính đến 31/12/2021 là 1.651,632 tỷ đồng, bằng 71% tổng giá trị đầu tư tài chính của PETROCONS.

b) Tóm tắt hoạt động các công ty con, công ty liên kết:

❖ Đối với các Công ty con:

PETROCONS hiện có 07 Công ty con, kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022. Cụ thể như sau:

STT	Công ty	Vốn điều lệ	Tỷ lệ vốn góp của PetroCons	Doanh thu năm 2022	Lợi nhuận sau thuế năm 2022
1	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	600,00	50,97%	557,64	(64,63)
2	CTCP Xây dựng Công nghiệp và dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	300,00	51,00%	9,29	(4,88)
3	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (DOBC)	200,00	51,00%	101,48	0,63
4	CTCP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC-Bình Sơn)	365,50	46,51%	35,18	0,19
5	CTCP Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	280,69	53,44%	0,74	(2,86)
6	CTCP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-TB)	450,00	72,22%	102,94	(30,33)
7	CTCP Dầu khí Đông Đô (PetroCons Đông Đô)	500,00	34,87%	41,12	1,86

- CTCP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS):

+ Tổng doanh thu thực hiện năm 2022 đạt 557,642 triệu đồng giảm 523,86 triệu đồng tương ứng giảm 51.56% so với thực hiện cùng kỳ năm 2021 (thực hiện năm 2021 đạt 1.081,502 triệu đồng).

+ Lợi nhuận sau thuế lỗ 64.528 triệu đồng; hiệu quả SXKD giảm so với thực hiện cùng kỳ năm 2021 (thực hiện cùng kỳ năm 2021 đạt 1.207 triệu đồng).

- CTCP XD Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC - IC):

+ Tổng doanh thu thực hiện năm 2022 đạt 9.289 triệu đồng tăng so với thực hiện cùng kỳ năm 2021 (thực hiện năm 2021 âm 18.524 triệu đồng).

+ Lợi nhuận sau thuế lỗ 4.877 triệu đồng giảm lỗ so với thực hiện cùng kỳ năm 2021 (thực hiện cùng kỳ năm 2021 lỗ 30.319 triệu đồng).

- CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT):

+ Tổng doanh thu thực hiện năm 2022 đạt 101.482 triệu đồng tăng 68.211

triệu đồng tương ứng tăng 305% so với thực hiện cùng kỳ năm 2021 (thực hiện năm 2021 đạt 33.270 triệu đồng).

+ Lợi nhuận sau thuế lãi 633 triệu đồng (thực hiện cùng kỳ năm 2021 lỗ 10.634 triệu đồng).

- Công ty cổ phần xây lắp Dầu khí Bình Sơn:

+ Tổng doanh thu thực hiện năm 2022 đạt 35.179 triệu đồng tăng 24.049 triệu đồng tương ứng tăng 316% so với thực hiện cùng kỳ năm 2021 (thực hiện năm 2021 đạt 11.130 triệu đồng).

+ Lợi nhuận sau thuế đạt 188 triệu đồng tăng 85 triệu đồng tương ứng tăng 82% so với thực hiện cùng kỳ năm 2021 (thực hiện cùng kỳ năm 2021 đạt 103 triệu đồng).

- Công ty cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC - Mekong):

+ Tổng doanh thu thực hiện năm 2022 đạt 739 triệu đồng giảm 8.666 triệu đồng tương ứng giảm 92,14% so với thực hiện cùng kỳ năm 2021 (thực hiện năm 2021 đạt 9.405 triệu đồng).

+ Lợi nhuận sau thuế lỗ 2.862 triệu đồng giảm lỗ hơn so với thực hiện cùng kỳ năm 2021 (thực hiện cùng kỳ năm 2021 lỗ 5.787 triệu đồng).

- Công ty cổ phần ĐT&TM Dầu khí Thái Bình(PVC-TB):

+ Tổng doanh thu thực hiện năm 2022 đạt 102.936 triệu đồng tăng 74.496 triệu đồng tương ứng tăng 362% so với thực hiện cùng kỳ năm 2021 (thực hiện năm 2021 đạt 28.440 triệu đồng).

+ Lợi nhuận sau thuế lỗ 30.322 triệu đồng giảm lỗ hơn so với thực hiện cùng kỳ năm 2021 (thực hiện cùng kỳ năm 2021 lỗ 34.019 triệu đồng).

- Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô):

+ Tổng doanh thu thực hiện năm 2022 đạt 41.119 triệu đồng giảm 96.109 triệu đồng tương ứng giảm 70% so với thực hiện cùng kỳ năm 2021 (thực hiện năm 2021 đạt 137.228 triệu đồng).

+ Lợi nhuận sau thuế đạt 1.858 triệu đồng tăng 806 triệu đồng tương ứng tăng 77% so với thực hiện cùng kỳ năm 2021 (thực hiện cùng kỳ năm 2021 đạt 1.052 triệu đồng).

❖ Đối với các Công ty liên kết:

Đến thời điểm 31/12/2022, PETROCONs thực hiện đầu tư vào 11 Công ty liên kết. PETROCONs mới cập nhật được số liệu BCTC của 04 đơn vị cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022. Các đơn vị còn lại PETROCONs chưa nhận được BCTC năm 2022.

Cụ thể kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của 04 đơn vị như sau:

- CTCP Xây lắp Dầu khí Thanh Hòa (PVC TH):

+ Tổng doanh thu thực hiện năm 2022 đạt 33.117 triệu đồng tăng 18.075 triệu đồng tương ứng tăng 220% so với thực hiện cùng kỳ năm 2021 (Thực hiện cùng kỳ năm 2021 đạt 15.042 triệu đồng).

+ Lợi nhuận sau thuế của Công ty lỗ 6.045 triệu đồng giảm lỗ so với thực hiện

cùng kỳ năm 2021 (Thực hiện cùng kỳ năm 2021 lỗ 33.285 triệu đồng).

- CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC MT):

+ Tổng doanh thu thực hiện năm 2022 đạt 2.035 triệu đồng giảm 480 triệu đồng tương ứng giảm 19% so với thực hiện cùng kỳ năm 2021 (Thực hiện cùng kỳ năm 2021 đạt 2.515 triệu đồng).

+ Lợi nhuận sau thuế của Công ty lỗ 20.181 triệu đồng tăng lỗ so với cùng kỳ năm 2021 (Thực hiện cùng kỳ năm 2021 lỗ 19.102 triệu đồng).

- CTCP Khách sạn Lam Kinh:

+ Tổng doanh thu thực hiện năm 2022 đạt 185 triệu đồng tăng giảm 332 triệu đồng tương ứng giảm 36% so với thực hiện cùng kỳ năm 2021 (Thực hiện cùng kỳ năm 2021 đạt 516 triệu đồng).

+ Lợi nhuận sau thuế của Công ty lỗ 16,7 triệu đồng tăng 0.3 triệu đồng so với thực hiện cùng kỳ năm 2021 (Thực hiện cùng kỳ năm 2021 lỗ 16,4 triệu đồng).

- CTCP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC DH):

+ Tổng doanh thu thực hiện năm 2022 đạt 20.244 triệu đồng giảm 33.270 triệu đồng tương ứng giảm 62% so với thực hiện cùng kỳ năm 2021 (Thực hiện cùng kỳ năm 2021 đạt 53.514 triệu đồng).

+ Lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 93 triệu đồng tăng 79 triệu đồng tương ứng tăng 664% so với thực hiện cùng kỳ năm 2021 (Thực hiện cùng kỳ năm 2021 đạt 14 triệu đồng).

❖ Đối với các khoản đầu tư tài chính khác:

Đến thời điểm báo cáo, PETROCONS chưa nhận được BCTC năm 2022 của đơn vị.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính:

Chi Tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% Tăng giảm
A	1	2	3=2/1
1. Tổng giá trị tài sản	4.679.075.334.175	4.772.462.948.755	102%
2. Doanh thu thuần	871.982.985.603	1.287.532.669.399	148%
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	52.069.686.405	54.985.821.050	106%
4. Lợi nhuận khác	410.186.549	(1.985.421.593)	-484%
5. Lợi nhuận trước thuế	52.479.872.954	53.000.399.457	101%
6. Lợi nhuận sau thuế	52.479.872.954	52.302.457.212	100%
7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	131	131	
8. Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
A	1	2	3
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,91	0,94	
+ Hệ số thanh toán nhanh			
Tài sản ngắn hạn-hàng tồn kho/Nợ ngắn hạn	0,64	0,63	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ/Tổng tài sản	0,91	0,90	
+ Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	10,20	9,15	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho	0,74	0,89	
+ Vòng quay tổng tài sản			
Doanh thu Thuần/Tổng tài sản BQ	0,19	0,27	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số lợi nhuận ST/Doanh thu thuần	0,06	0,04	
+ Hệ số lợi nhuận ST/Vốn chủ sở hữu	0,13	0,11	
+ Hệ số lợi nhuận ST/Tổng tài sản	0,01	0,01	
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,06	0,04	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Vốn điều lệ của PETROCONs là: 4.000.000.000.000 đồng (Bốn nghìn tỷ

đồng chẵn). Tổng số vốn điều lệ Tổng công ty được chia thành 400.000.000 (Bốn trăm triệu) cổ phần và mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần (Mười nghìn đồng/cổ phần).

Tất cả các cổ phần của Tổng công ty đều là cổ phần phổ thông và được tự do chuyển nhượng.

b. Cơ cấu cổ đông:

Trong 4.000.000.000.000 đồng (Bốn nghìn tỷ đồng chẵn) vốn điều lệ; Vốn nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.178.733.330.000 đồng tương đương 217.873.333 cổ phần, chiếm 54,47%.

* 03 thành viên HĐQT là Người đại diện quản lý vốn của Tập đoàn tại PETROCONS là:

+ Ông Nghiêm Quang Huy - Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện quản lý 25% VDL tương đương 100.000.000 cổ phần.

+ Ông Trần Hải Bằng – Thành viên Hội đồng quản trị đại diện quản lý 15% VDL tương đương 60.000.000 cổ phần.

+ Ông Chu Thanh Hải - Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng giám đốc đại diện quản lý 14,47% VDL tương đương 57.880.000 cổ phần.

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Trong năm 2022, PETROCONS không thay đổi giá trị vốn đầu tư của chủ sở hữu.

- Lịch sử và các đợt tăng vốn kể từ khi thành lập/cổ phần hóa đến 31/12/2022:

Tiền thân của Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam là *Xí nghiệp Liên hiệp Xây lắp Dầu khí*, được thành lập ngày 14/9/1983, theo quyết định của Chính phủ (Chỉ thị 224/CT và 225/CT ngày 30/8/1983) với nhiệm vụ chủ yếu là chuẩn bị cơ sở vật chất phục vụ cho ngành Dầu khí. Trong giai đoạn từ khi thành lập đến năm 1990, Xí nghiệp đã từng bước khắc phục những khó khăn ban đầu, thực hiện những thay đổi trong bộ máy quản lý, phương thức chỉ đạo, điều hành, đảm bảo tiến độ và chất lượng các công trình của ngành.

Năm 1990, khi Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam được thành lập (tiền thân của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam), Xí nghiệp liên hiệp xây lắp Dầu khí là đơn vị chủ lực của ngành Dầu khí đảm nhiệm vai trò thực hiện các công trình thiết kế và xây lắp dầu khí. Năm 1995, Xí nghiệp được đổi tên thành Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí (PVECC). Trong giai đoạn 1990 – 1997, Xí nghiệp liên hiệp Xây lắp Dầu khí đã hoàn thành có chất lượng trên 20 chân đế các giàn khoan cố định và hoàn thành trên 10 khối chân đế cho các cụm DK1 (nhà nổi) trên thềm lục địa phía nam và ở quần đảo Trường Sa, góp phần bảo vệ quốc phòng, an ninh vùng biển của Tổ quốc. Công ty cũng đã xây dựng, lắp đặt thành công hệ thống đường ống dẫn khí từ mỏ Bạch Hổ vượt 100km đường biển và 20 km trên đất liền để vận hành nhà máy điện Bà Rịa, qua đó khẳng định vai trò của chuyên ngành xây dựng Dầu khí trong lĩnh vực xây lắp công nghiệp.

Ngày 17/3/2005, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam đã phê duyệt Đề án và

quyết định chuyển đổi Công ty PVECC thành Công ty Cổ phần xây lắp dầu khí và ngày 1/4/2006, sau gần 2 năm thực hiện tiến trình cổ phần hóa, công ty đã chính thức đi vào hoạt động. Năm 2007, Chủ tịch HĐQT Tập đoàn dầu khí Quốc gia Việt Nam đã ký nghị quyết số 3604/NQ-DKVN về việc phê duyệt đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam.

- 21/11/2007 Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua đề án chuyển đổi Công ty cổ phần xây lắp Dầu khí với Vốn điều lệ là 150 tỷ đồng.

- 27/6/2008 Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ 150 tỷ đồng lên 1.500 tỷ đồng.

- 16/5/2009 Đại hội đồng cổ đông thường niên Tổng công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam thông qua kế hoạch niên yết cổ phiếu lên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- 19/8/2009 Tổng công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam thực hiện niêm yết 150.000.000 cổ phiếu với mã cổ phiếu là PVX trên Sàn giao dịch Chứng khoán Hà Nội thuộc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- 20/01/2010 Đại hội đồng cổ đông bất thường Tổng công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Việt Nam đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ lên 2.500 tỷ đồng.

- Tăng vốn điều lệ của PETROCONS từ 2.500 tỷ đồng lên 5.000 tỷ đồng theo Nghị quyết số 338/NQ-ĐHĐCĐ-XLKD ngày 23/4/2011 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011. Kết quả đợt tăng: 4.000 tỷ đồng. Cụ thể Vốn điều lệ qua các năm:

- Năm 2007: 150 tỷ đồng.
- Năm 2008: 1.500 tỷ đồng.
- Năm 2009: 1.500 tỷ đồng.
- Năm 2010: 2.500 tỷ đồng.
- Năm 2011: 2.500 tỷ đồng.
- Năm 2012 đến 31/12/2022: 4.000 tỷ đồng.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e. Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Tổng công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

- Tổng phát khí thải nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: không có.
- Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: không có.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất trong năm:

- Sắt thép các loại: 5.732 tấn;
- Vật tư sơn và làm sạch: 11,442 lít;
- Chất tẩy gi B05: 345 lít;
- Ván khuôn: 650 m²;
- Ván cốp pha phủ phim: 4.302 tấm;
- Bê tông các loại: 9.197 m³;
- Xi măng các loại: 489 tấn;
- Gạch các loại: 1.191.600 viên;
- Cát các loại: 2.126 m³;
- Cây giăng giáo nôm các loại: 47.568 kg;
- Giáo nôm các loại: 63.823 kg;
- Cốp pha các loại: 5.725 m³.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ của tổ chức

- Sắt thép các loại: 2%;
- Bê tông các loại: 0%;
- Ván khuôn: 65%;
- Cốp pha các loại: 80%.

6.3. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Tiêu thụ điện năng: 4,043,272 kWh;
- Dầu Diezen: 500 lít.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả các sáng kiến này: không có.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: 46.592 m³
- b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không lần.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: không đồng.

6.6 Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động: tính đến 31/12/2022, Tổng số CBCNV của PETROCONs là 1.470 người, trong đó Công ty mẹ Tổng công ty là 240 người.

- Thu nhập bình quân đầu người trong toàn Tổng công ty năm 2022 đạt 10,86 triệu đồng/người/tháng.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi: Thực hiện nghiêm túc công tác khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV, người lao động.

c) Hoạt động đào tạo: Năm 2022, PETROCONs triển khai thực hiện đào tạo 1.367 lượt người với tổng chi phí đào tạo là 3,38 tỷ đồng. Trong đó, Công ty mẹ PETROCONs cử 355 lượt người tham gia các khóa đào tạo với chi phí đào tạo là 877 triệu đồng.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương: Đã tham gia tất cả hoạt động của địa phương theo yêu cầu, cụ thể:

- Thực hiện nghiêm túc công tác Quân sự, An ninh - Quốc phòng, Dân quân tự vệ. Tổ chức xây dựng lực lượng tự vệ, tham gia công tác giáo dục bồi dưỡng kiến thức ANQP, huấn luyện quân sự và các hoạt động Quốc phòng khác tại địa phương.

- Phối hợp với Công an địa phương thực hiện tốt phong trào toàn dân bảo vệ An ninh - Tổ quốc trong năm 2022.

- Đảm bảo An ninh trật tự, an toàn XH tại địa phương, không để xảy ra việc mất an toàn trong công tác phòng chống cháy nổ, công tác xã hội và các công tác khác theo quy định tại địa phương nơi có trụ sở của Tổng công ty.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Chưa có hoạt động.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động SXKD

- Tình hình và kết quả hoạt động SXKD năm 2022 của PETROCONs: xin xem chi tiết tại phần II, mục 1.

Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế: Toàn tổ hợp lãi 2,70 tỷ đồng bằng 6% so với thực hiện năm 2021. Trong đó, Công ty mẹ lãi 53,00 tỷ đồng bằng 101% so với thực hiện năm 2021.

Về chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế: Toàn tổ hợp lãi 2,93 tỷ đồng bằng 7% so với thực hiện năm 2021. Trong đó, Công ty mẹ lãi 52,30 tỷ đồng bằng 100% so với thực hiện năm 2021.

Lũy kế của Công ty mẹ đến thời điểm 31/12/2022 3.607,40 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PETROCONs tại thời điểm 31/12/2022 là 470,06 tỷ đồng tăng 13% so với thời điểm đầu năm. Hệ số bảo toàn vốn chủ sở hữu là 1,13.

- Một số kết quả tích cực đã đạt được của PETROCONs trong năm 2022 như sau:

+ Tại dự án NMNĐ Thái Bình 2: Để triển khai dự án, trong năm 2022, PETROCONs đã thực hiện ký với chủ đầu tư các Phụ lục hợp đồng bổ sung số 40 (14/01/2022) về việc thống nhất các mốc hệ thống vận chuyển than và đá vôi; Phụ lục bổ sung số 41 (10/6/2022) về việc thống nhất cơ cấu giá của Hợp đồng EPC và giá trị, biểu giá phần công việc thiết bị và dịch vụ nhập khẩu thuộc phần Trộn gói Hợp đồng EPC; Phụ lục bổ sung số 42 về việc Điều chỉnh giảm tỷ lệ giữ lại từ 5% xuống 3% đối với phần ngoại tệ Hợp đồng EPC. Trong năm 2022, PETROCONs đã hoàn thành các mốc tiến độ quan trọng tại dự án như sau:

Đốt lửa lần đầu vào ngày Tổ máy 1 vào ngày 23/2/2022.

Hòa đồng bộ Tổ máy 1 vào lưới điện quốc gia ngày 12/5/2022.

Đốt than lần đầu Tổ máy 1 ngày 16/6/2022.

Đốt dầu lần đầu Tổ máy 2 ngày 27/8/2022

Hòa đồng bộ Tổ máy 2 vào lưới điện quốc gia ngày 8/10/2022.

+ Hoàn thành bàn giao chủ đầu tư đưa vào sử dụng các công trình Khu đào tạo quốc tế- Học viện An ninh nhân dân, Viện Dầu khí phía Nam- giai đoạn 2.

+ Hoàn thành công tác chuyển nhượng 02 căn hộ chung cư tại Khu đô thị Mỹ trì Hạ, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội thu về giá trị 6,136 tỷ đồng.

+ Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông bất thường tháng 01/2022 và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của PETROCONs vào ngày 16/5/2022. Thực hiện đổi tên viết tắt của Tổng công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam từ PVC thành PETROCONs, thay đổi bộ nhận diện thương hiệu của Tổng công ty.

+ Hoàn thành lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đối với kế hoạch tái cơ cấu giai đoạn 2021-2025.

+ Thực hiện đầy đủ chính sách lương và các khoản chi theo lương, chính sách BHYT, BHXH, các chính sách khám chữa bệnh định kỳ cho người lao động, triển khai đầy đủ các kỳ đối thoại định kỳ giữa người sử dụng lao động và người lao động; chăm lo đời sống tinh thần cho người lao động nhằm tạo sự gắn kết giữa người lao động với nhau, giữa người lao động với các giá trị chung của công ty ...

2. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài sản:

- Tổng tài sản tại 31/12/2022 là 4.772,46 tỷ đồng tăng 93,387 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021 do các chỉ tiêu Tài sản ngắn hạn tăng và tài sản dài hạn giảm, cụ thể: tài sản ngắn hạn tăng 141,919 tỷ đồng từ 3.766,33 tỷ đồng lên 3.908,258 tỷ đồng; tài sản dài hạn giảm 48,531 tỷ đồng từ 912,736 tỷ đồng xuống 864,204 tỷ đồng.

Tổng nguồn vốn tại 31/12/2022 là 4.772,46 tỷ đồng tăng 93,387 tỷ đồng so

với cùng kỳ năm 2021 do các chỉ tiêu “nợ phải trả” và “vốn chủ sở hữu” tăng. Chỉ tiêu Nợ phải trả tăng 41,085 tỷ đồng từ 4.261,32 tỷ đồng lên 4.302,405 tỷ đồng; Chỉ tiêu Vốn chủ sở hữu tăng 52,302 tỷ đồng từ 417,754 tỷ đồng lên 470,057 tỷ đồng.

- Kết quả kinh doanh của Công ty mẹ PETROCONs sau 3 năm lỗ liên tiếp thì năm 2021 và năm 2022 đã có lãi sau thuế chưa phân phối lần lượt là 52,479 tỷ đồng và 52,302 tỷ đồng. Lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối giảm tương ứng. Tại 31/12/2022, lỗ lũy kế sau thuế chưa phân phối của Công ty mẹ TCT là 3.607,400 tỷ đồng.

- Các chỉ tiêu tài chính Công ty mẹ tại thời điểm 31/12/2022 biến động so với cùng kỳ năm 2021 do các các chỉ tiêu chi tiết sau:

+ Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (tiền và các khoản tương đương tiền) tăng trong kỳ 195,291 tỷ đồng từ 219,805 tỷ đồng lên 415,096 tỷ đồng. Các nguồn thu và chi năm 2022 của PETROCONs được trình bày chi tiết tại báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ - Mẫu số B03-DN – thuộc Báo cáo tài chính Công ty mẹ). Tiền và các khoản tương đương tiền tại 31/12/2022 bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn là 330,96 tỷ đồng (trong đó: Tiền mặt là 639 triệu đồng và TGNH không kỳ hạn là 329,457 tỷ đồng) và 85 tỷ đồng là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại NH BIDV CN Hà Đông, là nguồn tiền phục vụ chủ yếu cho dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và chi phí quản lý của Công ty mẹ Tổng công ty...

+ Đầu tư tài chính ngắn hạn của PETROCONs tại 31/12/2022 là 205 tỷ đồng, giảm 19,76 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2021. Khoản đầu tư tài chính ngắn hạn giảm 19,76 tỷ đồng đến từ việc khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Viettinbank và BIDV với lãi suất từ 3,4%/năm đến 3,8%/năm đã đến kỳ đáo hạn. Ngoài ra còn có khoản chứng khoán kinh doanh tại Công ty CP thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí là 14,6 tỷ đồng, trong đó đã được trích lập 13,885 tỷ đồng.

+ Tại 31/12/2022, giá trị đầu tư tài chính dài hạn của PETROCONs là 660,321 tỷ đồng, giảm 57,508 tỷ đồng. Trong đó: tổng giá trị đầu tư vào các công ty là 2.311,954 tỷ đồng (vào 7 công ty con là 1.384,909 tỷ đồng; 11 công ty liên doanh liên kết: 735,449 tỷ đồng; đầu tư vào 6 công ty khác là 191,595 tỷ đồng). Tổng công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn lũy kế đến 31/12/2022 là 1.651,632 tỷ đồng, tăng 57,508 tỷ đồng (trích lập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn năm 2022).

+ Các khoản phải thu ngắn hạn giảm 201,549 tỷ đồng từ 2.126,702 tỷ đồng xuống 1.925,152 tỷ đồng. Số liệu này biến động do giảm phải thu ngắn hạn tại BQL DA NMNĐ Thái Bình 2 là 207,47 tỷ đồng, giảm phải thu của PVNC là 9,083 tỷ đồng và giảm phải thu ngắn hạn tại Viện Dầu khí Việt Nam là 17,301 tỷ đồng, giảm phải thu tại PVC Mekong là 2,765 tỷ đồng, giảm phải thu ĐOBC là 1,18 tỷ đồng; trong khi tăng phải thu PVC IC là 0,658 tỷ đồng, PVC TH là 0,221 tỷ đồng.

Phải thu ngắn hạn khác trong kỳ tăng 7,92 tỷ đồng so với cùng kỳ 2021. Hiện khoản phải thu khác ngắn hạn 31/12/2022 là 271,167 tỷ đồng, thay đổi chủ

yếu do phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả.

Phải thu về ký cược, ký quỹ dài hạn trong kỳ tăng 12,791 tỷ đồng từ 10,102 tỷ đồng tại 31/12/2021 lên 22,893 tỷ đồng tại 31/12/2022 cũng để bảo lãnh thực hiện dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

+ Công tác thu hồi và xử lý nợ:

Trong năm 2022, Tổng công ty đã xử lý thu hồi được tổng số tiền 28,109 tỷ đồng đạt 13,4% kế hoạch năm, cụ thể: TID (0,3 tỷ đồng), PVNC (11,227 tỷ đồng), DOBC (0,15 tỷ đồng), PVC-MS (0,134 tỷ đồng), PVC – MeKong (2,766 tỷ đồng), PVC-ID (0,6 tỷ đồng), PVC-HN (0,314 tỷ đồng), khoản tiền thi hành án căn hộ tại Nha Trang của ông Trịnh Xuân Thanh (0,364 tỷ đồng), PVC-SG (12,253 tỷ đồng).

Tiếp tục tập trung phối hợp, theo dõi, đôn đốc các đơn vị thực hiện xử lý để PETROCONS thu hồi một số khoản công nợ đang thực hiện/chưa hoàn thành xử lý thu hồi và một số khoản nợ chi tiết theo kế hoạch đã đề ra như: TID (0,28 tỷ đồng); PVC-HN và PVC-ME tiền thuê văn phòng tòa nhà San Nam (Đối với nguồn thu của PVC-HN được thanh toán cho thuê văn phòng Sannam, PETROCONS sẽ thu hồi toàn bộ nguồn thu này theo tiến độ hợp đồng PVC-HN ký với Công ty Sannam để cân trừ nợ với PVC-HN; Công nợ với PVC-ME: thu hồi phần diện tích 407m² văn phòng đang quản lý sử dụng/khai thác cho PetroCons để cân trừ công nợ); CTCP Nhà Đất Việt (0,8 tỷ đồng), PVR Hà Nội (23,576 tỷ đồng); thu hồi nợ PVNC thông qua thu tiền chuyển nhượng CP Xi măng 12/9 bằng việc mua xi măng Vissai tại dự án Thái Bình 2, các nhà thầu phụ tại dự án NMND Vũng Áng... Bên cạnh đó, tiếp tục nghiên cứu thu hồi các khoản công nợ khác đủ điều kiện không nằm trong kế hoạch xử lý nợ năm 2022.

Trong năm 2022, PETROCONS đã phát hành văn bản yêu cầu cũng như phối hợp làm việc với các đơn vị để thanh toán dứt điểm các khoản công nợ đến và quá hạn cho PETROCONS như: PVN, PVCbank, TID, PVC-HN, PVNC, PVC-SG... Hiện đang đôn đốc thu hồi, rà soát, tập hợp các hồ sơ chứng từ để cung cấp/hoàn thiện các thủ tục nội bộ nhằm giải quyết dứt điểm các khoản nợ tồn đọng giữa các bên.

Xử lý công nợ tạm ứng cá nhân: Tính đến thời điểm 31/12/2022, số dư nợ tạm ứng đến và quá hạn thanh toán là 6,704 tỷ đồng, trong năm đã thu hồi được 0,547 tỷ đồng nợ quá hạn, khó đòi. Hiện đang tiếp tục triển khai đôn đốc thu hồi, khấu trừ 10% lương CNCNV hiện đang công tác tại PETROCONS để thu hồi nợ.

Nhằm tăng cường và đẩy mạnh việc triển khai công tác xử lý nợ, nâng cao hiệu quả công tác thu hồi vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 và các năm tiếp theo trong toàn Tổng công ty. Đồng thời để xử lý tổng hợp, đánh giá những tồn tại, các khoản công nợ chéo tại các công trình/dự án/các đơn vị. Tổng công ty đã chủ trì tổ chức họp với PVC-TH, PVC-Thái Bình, PVC-ID để rà soát tình hình hoạt động của các đơn vị (SXKD, tài chính, công nợ, đầu tư, thoái vốn...). Theo đó, Tổng công ty với vai trò là cổ đông lớn tại đơn vị đã có các thông báo kết luận chỉ đạo, các giải pháp cụ thể nhằm hỗ trợ, từng bước tháo gỡ khó khăn cho hoạt động SXKD trong đó có công tác xử lý nợ chéo tại các đơn vị

này.

Rà soát tính pháp lý về các khoản công nợ đối với các đơn vị chây i/không hợp tác, không trả nợ nếu đủ điều kiện để tiến hành khởi kiện: PVC- Trường Sơn, PVC-3C...

+ Hàng tồn kho trong kỳ tăng 163,246 tỷ đồng từ 1.104,360 tỷ đồng tại 31/12/2021 lên 1.267,607 tỷ đồng, biến động bởi chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại DA Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 tăng 129,793 tỷ đồng nhưng giảm tại DA Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu là 11,058 tỷ đồng.

+ Tài sản dở dang dài hạn của PETROCONs không có biến động trong kỳ khi tại 31/12/2022 và cùng kỳ năm 2021 đều là 71,051 tỷ đồng.

+ Trong kỳ, PETROCONs ghi nhận giảm xây dựng cơ bản dở dang đối với dự án Xưởng cơ khí VLXD tại Quảng Ngãi là 10,095 tỷ đồng do đủ điều kiện để ghi nhận đầu tư XDCB hoàn thành (ghi tăng TSCĐ – Nhà cửa, vật kiến trúc) là 10,095 tỷ đồng.

+ TSCĐ hữu hình: Trong kỳ, PETROCONs cũng ghi giảm TSCĐ hữu hình do thanh lý nhượng bán một số TS thuộc mục Nhà cửa, vật kiến trúc khi PETROCONs thực hiện chuyển trụ sở Tổng công ty. Như vậy, tại 31/12/2022, nguyên giá TSCĐ của Tổng công ty đang ghi nhận với giá trị là 77,722 tỷ đồng và GTCL là 13,106 tỷ đồng.

TSCĐ vô hình (chương trình phần mềm) của PETROCONs không thay đổi đối với nguyên giá với giá trị là 5,005 tỷ đồng, KH lũy kế đến 31/12/2022 là 4,946 tỷ đồng và GTCL của TS vô hình là 58,8 triệu đồng.

b. Tình hình nợ phải trả:

+ Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn: Tại ngày 31/12/2022, dư vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của PETROCONs là 689,632 tỷ đồng (Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Tây: 110,411 tỷ đồng; Vay Oceanbank dài hạn đến hạn trả: 579,221 tỷ đồng), tăng trong kỳ là 191,365 tỷ đồng (Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Tây: 189,549 tỷ đồng; Viettinbank CN Tây HN: 1,816 tỷ đồng) và giảm trong kỳ là 187,154 tỷ đồng (Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Tây: 170,342 tỷ đồng; Viettinbank CN Tây HN: 1,816 tỷ đồng; Oceanbank: 14,995 tỷ đồng). Tất cả các khoản vay và nợ thuê tài chính đều được đánh giá là có khả năng trả nợ.

+ Các khoản phải trả người bán tại 31/12/2022 là 2.589,530 tỷ đồng tăng 102,321 tỷ đồng so với cùng kỳ 2021 và được đánh giá là có khả năng trả nợ.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Trong năm 2022, PETROCONs đã thực hiện kiện toàn mô hình tổ chức, tách Ban Kinh tế Kỹ thuật để thành lập 02 Ban chuyên môn gồm Ban Kinh tế Thương mại và Ban Kỹ thuật An toàn Tổng công ty.

- Về chính sách quản lý: PETROCONs không có thay đổi về chính sách, quản lý trong năm 2022.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Trong ngắn hạn, Ban lãnh đạo PETROCONs có kế hoạch tiếp tục triển khai các công tác sau:

Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy quản lý tài chính, tiếp thị, đấu thầu; củng cố, phát triển nguồn nhân lực, nguồn vốn, cơ sở vật chất, thiết bị thi công,... để hoàn thành hồ sơ năng lực, tham gia đấu thầu tìm kiếm nguồn việc đảm bảo nguồn công việc cho năm 2023 và các năm tiếp theo.

Ứng dụng công nghệ vào công tác quản lý, tổ chức triển khai thi công một cách khoa học, rút ngắn tối đa tiến độ thi công tại các dự án nhưng vẫn đảm bảo chất lượng theo yêu cầu của chủ đầu tư.

Triển khai công tác tái cơ cấu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 332/NQ-XLDK-ĐHĐCĐ ngày 11/10/2022 của Đại hội đồng cổ đông PETROCONs thông qua Kế hoạch tái cơ cấu Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2021-2025. Theo đó, trong giai đoạn 2021-2025 PETROCONs sẽ thực hiện tái cơ cấu danh mục các đơn vị PETROCONs tham gia góp vốn theo 03 nhóm: Nhóm 1: xây dựng, củng cố 02 đơn vị nòng cốt; Nhóm 2: Tái cơ cấu/Thoái toàn bộ vốn hoặc giải thể/phá sản 04 đơn vị trong trường hợp cổ đông góp vốn kiến nghị giải thể/phá sản; Nhóm 3: Tái cơ cấu/thoái toàn bộ thoái toàn bộ vốn góp tại 19 đơn vị.

Tập trung huy động tối đa nguồn lực để đưa Dự án NMNĐ Thái Bình 2 về đích, phát điện thương mại Tổ máy số 1 và Tổ máy số 2 trong thời gian sớm nhất, đảm bảo ổn định, tin cậy và an toàn. Thực hiện quyết toán hợp đồng EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2.

Quyết liệt trong công tác nghiệm thu, thanh quyết toán, thu hồi vốn, thu hồi, xử lý/bù trừ các khoản công nợ nhằm đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động SXKD của Tổng công ty.

Xúc tiến tìm kiếm đối tác, đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền giải quyết quyền lợi của PETROCONs /PVN liên quan đến phương án thu hồi chi phí đã đầu tư/ hoặc xin tiếp tục đầu tư tại dự án Khu công nghiệp Soài Rạp, Tiền Giang.

Tiếp tục thu xếp nguồn vốn, bổ sung tài sản đảm bảo/ hoàn trả cho khoản vay ủy thác của Tập đoàn qua Oceanbank. Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của PETROCONs tại các đơn vị làm việc với các tổ chức tín dụng để giải quyết các khoản bảo lãnh vay vốn của PETROCONs cho các đơn vị.

Kiện toàn, cơ cấu lại bộ máy tổ chức, nhân sự đảm bảo cơ cấu gọn nhẹ, có năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu trong công tác điều hành và triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONs.

Rà soát, sửa đổi hệ thống quy chế, quy định nội bộ của PETROCONs đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa/trong các quy chế, quy định, đồng thời đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và điều lệ của PETROCONs.

Quan tâm, chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng để có lực lượng cán bộ, công nhân viên đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng

thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của PETROCONs.

Năm 2023 là một năm khó khăn đối với PETROCONs khi đã hoàn thành xong dự án trọng điểm NMND Thái Bình nhưng chưa có các dự án khác gởi đầu, yêu cầu PETROCONs phải tăng cường, tích cực trong công tác tiếp thị đầu thầu tìm kiếm nguồn công việc. Đối mặt với việc khó khăn về nguồn việc, PETROCONs đã xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2023, cụ thể như sau:

ST T	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Tỷ lệ KH2023/ TH2022
	Giá trị SXKD				
	Hợp nhất	Tỷ đồng	1.494,59	1.500,00	101%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	956,30	770,00	81%
	Tổng doanh thu				
	Hợp nhất	Tỷ đồng	1.821,56	1.886,00	102%
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	1.287,53	1.230,00	94%
	Lợi nhuận trước thuế				
	Hợp nhất	Tỷ đồng	2,70	-	
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	53,00	-	
	Lợi nhuận sau thuế				
	Hợp nhất	Tỷ đồng	2,93	-	
	Công ty mẹ	Tỷ đồng	52,30	-	

- Về dài hạn:

Triển khai thực hiện phương án tái cấu trúc của PETROCONs đoạn 2021-2025 theo Nghị quyết 332/NQ-XLDK-ĐHĐCĐ ngày 11/10/2022 của Đại hội đồng cổ đông PETROCONs thông qua Kế hoạch tái cơ cấu Tổng công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2021-2025, theo đó tập trung:

Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động của 02 đơn vị nòng cốt là PVC-MS và DOBC;

Xây dựng phương án thoái phần vốn góp của PETROCONs cho từng đơn vị khi đủ điều kiện và đúng quy định của pháp luật đảm bảo theo nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch bảo toàn tối đa vốn đầu tư. Trong quá trình thực hiện, đối với các đơn vị phục hồi tốt, có chuyên biến tích cực trong SXKD, cần thiết duy trì trong hệ thống PETROCONs.

Tiếp tục đôn đốc các đơn vị thành viên đẩy mạnh và chú trọng triển khai công tác thoái vốn tại các dự án bất động sản nhằm tập trung nguồn lực cho hoạt động xây lắp tại các dự án.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán – Báo cáo tài chính năm 2022.

5.1 Đối với Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2022:

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (AASC) đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, AASC đã từ chối đưa ra ý kiến đối với Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2022 do AASC đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến 1: “Tại ngày 31/12/2022, Báo cáo tài chính của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 3.607,40 tỷ VND, nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 4.177,799 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) là 269,54 tỷ VND, các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2022 là 579,22 tỷ VND. Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 01/01/2022 cũng trong tình trạng tương tự. Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, chúng tôi không có đủ thông tin để có thể đánh giá được mức độ thích hợp, hiệu quả của các kế hoạch hoạt động này.”

Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thể thu thập được đầy đủ thông tin do đó không thể xác định liệu báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập với giả định Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

Ý kiến 2 “Tại ngày 31/12/2022, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 01/01/2022 là 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là 124,4 tỷ VND (tại ngày 01/01/2022 là 124,4 tỷ VND) (Thuyết minh số 7). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 31/12/2022 và ngày 01/01/2022. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày lập báo cáo do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu hay không.

Ý kiến 3: “Tại ngày 31/12/2022, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Thuyết minh số 10) và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (Thuyết minh số 14) có giá gốc lần lượt là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 01/01/2022 là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng

tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31/12/2022 và ngày 01/01/2022. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của số chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập. Do đó, kiểm toán viên không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Ý kiến 4 “Tại Thuyết minh số 14 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng trình bày số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2022 bao gồm các dự án (Tổng Công ty là Chủ đầu tư) đã tạm dừng thực hiện từ các năm trước là (1) Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và (2) Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang với tổng số tiền là khoảng 5,7 tỷ VND (tại ngày 01/01/2022 là khoảng 5,7 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thể thu thập được các bằng chứng thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, kiểm toán viên không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục có liên quan hay không.

Ý kiến 5 “Tại ngày 31/12/2022, Tổng Công ty có một số khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các đơn vị khác với tổng giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng lần lượt là 854,64 tỷ VND và 789,26 tỷ VND, các khoản đầu tư này được trích lập dự phòng giảm giá dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập hoặc số liệu Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được (Thuyết minh số 4). Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập tại ngày 31/12/2022. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Ý kiến của kiểm toán viên nêu trong báo cáo là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo. Do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính kiểm toán của PETROCONS, PETROCONS chưa thu thập được báo cáo tài chính 31/12/2022 kiểm toán của các Công ty nêu trên do đó PETROCONS đã sử dụng báo cáo tài chính thời điểm gần nhất của các đơn vị trên để thực hiện đánh giá các khoản đầu tư theo đúng quy định. PETROCONS tin tưởng rằng, việc đánh giá các khoản đầu tư tài chính nêu trên là phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành.

5.2 Đối với Báo cáo tài chính Hợp nhất của Tổng công ty năm 2022:

Do AASC không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, AASC không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 của PETROCONS.

Ý kiến 1: “Tại ngày 31/12/2022, Báo cáo tài chính của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 3.840,62 tỷ VND, nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 5.690,10 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) là 520,01 tỷ VND, các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2022 là 835,14 tỷ VND. Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 01/01/2022 cũng trong tình trạng tương tự. Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, chúng tôi không có đủ thông tin để có thể đánh giá được mức độ thích hợp, hiệu quả của các kế hoạch hoạt động này.”

Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ thông tin do đó, không thể xác định liệu báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập với giá định Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.

Ý kiến 2: “Tháng 5 năm 2021, Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát tại công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (“Petroland”) thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Petroland, và trong tháng 12/2021 Tổng Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Petroland. Các xử lý kế toán tại thời điểm chuyển Petroland thành công ty liên kết cũng như chuyển nhượng khoản đầu tư tại Petroland được xác định trên cơ sở số liệu Báo cáo tài chính tại ngày 31/03/2021 và Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2021 chưa được kiểm toán. Các Báo cáo tài chính này cũng chưa xử lý các vấn đề kiểm toán viên ngoại trừ trên Báo cáo tài chính của Petroland cho năm tài chính 2019 và 2020. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và vấn đề ngoại trừ trên báo cáo tài chính của Petroland tại các thời điểm nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu so sánh có liên quan trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (cột “Năm 2021”) kèm theo hay không.”

Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 3: “Tại ngày 31/12/2022, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 01/01/2022 là 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là 124,4 tỷ VND (tại ngày 01/01/2022 là 124,4 tỷ VND) (Thuyết minh số 7). Chúng tôi không thể thu

thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 31/12/2022 và ngày 01/01/2022. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không..”

Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 4: “Tại ngày 31/12/2022, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Thuyết minh số 10) và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (Thuyết minh số 15) có giá gốc lần lượt là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 01/01/2022 là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31/12/2022 và ngày 01/01/2022. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.”

Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày lập báo cáo, do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 5: Tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất trình bày số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2022 bao gồm các dự án (Tổng Công ty là Chủ đầu tư) đã tạm dừng thực hiện từ các năm trước là (1) Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và (2) Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang với tổng số tiền là khoảng 5,7 tỷ VND (tại ngày 01/01/2022 là khoảng 5,7 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 6. “Tổng Công ty đang hợp nhất Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (công ty con) vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo số liệu báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2022 (trong đó: Tại ngày 31/12/2022 Tổng tài sản là 18,28 tỷ VND và Vốn chủ sở hữu là âm 184,75 tỷ VND; Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 lần lượt là 0,74 tỷ VND và âm 2,86 tỷ VND) chưa được kiểm toán. Đối với các công ty liên kết, trừ Báo cáo tài chính của Công

ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung đã được kiểm toán, giá trị khoản đầu tư vào các Công ty liên kết còn lại đang được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 (Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa) hoặc Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được (thuyết minh số 04). Chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp của các số liệu này.”

Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính soát xét của PETROCONs, đơn vị chưa thu thập được báo cáo tài chính 31/12/2022 kiểm toán của các Công ty nêu trên do đó PETROCONs đã sử dụng báo cáo tài chính thời điểm gần nhất của các đơn vị trên để hợp nhất. PETROCONs tin tưởng rằng, việc hợp nhất nêu trên là phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành.

Ý kiến 7: “Tại ngày 31/12/2022, Công ty mẹ Tổng Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của các đơn vị nhận vốn đầu tư đối với các khoản “Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác” (mã số 253) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là 206,31 tỷ VND và 169,698 tỷ VND (dự phòng đầu tư vào các công ty này trích lập dựa trên số liệu Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được). Chúng tôi không thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này.”

Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty. Do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày phát hành báo cáo tài chính soát xét của PETROCONs, đơn vị chưa thu thập được báo cáo tài chính 31/12/2022 kiểm toán của các Công ty nêu trên do đó PETROCONs đã sử dụng báo cáo tài chính thời điểm gần nhất của các đơn vị trên để hợp nhất. PVC tin tưởng rằng, việc hợp nhất nêu trên là phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành.

Ý kiến 8: “Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (Công ty con) chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính được giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là thành phẩm bất động sản có giá trị ghi sổ tại ngày 01/01/2022 và tại ngày 31/12/2022 là 36,3 tỷ VND (Thuyết minh số 10). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là các thành phẩm bất động sản này”

Đây là ý kiến trên báo cáo kiểm toán của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Ý kiến của kiểm toán viên là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nêu trên, cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay

thể để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 9: “Tại ngày 31/12/2022, số dư Hàng tồn kho trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty con - Công ty CP Dầu khí Đông Đô bao gồm các công trình Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện Sông Hậu 1, Chung cư Trần Anh - Long An và Thi công nhà đa năng Quận 1 với tổng giá trị thi công dở dang là khoảng 61,21 tỷ VND (tại ngày 01/01/2022: 65,74 tỷ VND). Chúng tôi không thể đánh giá được giá trị thuần có thể thực hiện được của các công trình thi công dở dang nêu trên tại các thời điểm nêu trên.”

Đây là ý kiến trên báo cáo soát xét của Công ty con trực thuộc Tổng công ty Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 10: Tại ngày 31/12/2022, số dư khoản góp vốn của Công ty CP Dầu khí Đông Đô (Công ty con) vào dự án “Tổ hợp nhà ở kết hợp dịch vụ siêu thị và văn phòng làm việc tại số 28, đường Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội” (Dự án Dolphin Plaza) là 27,2 tỷ VND (tại ngày 01/01/2022 là 37,1 tỷ VND) (Thuyết minh số 16). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng cho khoản góp vốn đầu tư này hay không.

Đây là ý kiến trên báo cáo soát xét của Công ty con trực thuộc Tổng công ty Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 11: Tại Công ty CP Dầu khí Đông Đô (công ty con), số dư công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ, cụ thể: nợ phải thu tại ngày 01/01/2022 và 31/12/2022 với giá trị lần lượt là 62,83 tỷ VND và 29,17 tỷ VND; nợ phải trả tại ngày 01/01/2022 và 31/12/2022 với giá trị lần lượt là: 49,72 tỷ VND và 25,53 tỷ VND. Khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 31/12/2022 là 23,03 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá khả năng trích lập dự phòng. Chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu, khả năng thu hồi cũng như số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập đối với các khoản công nợ này.”

Đây là ý kiến trên báo cáo soát xét của Công ty con trực thuộc Tổng công ty Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp do đó không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 12: Tại Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con): Chúng tôi chưa thu thập được dự toán chi phí đã được Hội đồng quản trị Công ty này phê duyệt đối với các dự án: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và Tổ hợp hóa dầu Miền Nam Việt Nam hoặc các tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp của doanh thu, giá vốn mà Công ty này đã ghi nhận từ hai dự án này cũng như ảnh hưởng của các số liệu đó

tới Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Các số liệu Công ty này đã ghi nhận vào Báo cáo tài chính cụ thể như sau:

Diễn giải	Lũy kế đến ngày 01/01/2022	Trong năm	Lũy kế đến ngày 31/12/2022
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2			
Doanh thu	682.907.156.484	115.257.300.162	798.164.456.646
Giá vốn	697.652.860.820	82.541.643.468	780.194.504.288
Tổ hợp hóa dầu Miền Nam Việt Nam			
Doanh thu	2.272.359.224.771	256.693.787.385	2.529.053.012.156
Giá vốn	2.236.262.803.965	317.470.714.791	2.553.733.518.756

Đây là ý kiến trên báo cáo soát xét của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 13: “Tại Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con): Tại Thuyết minh số 13 của Báo cáo tài chính hợp nhất này đã trình bày việc Công ty đang theo dõi giá trị quyền sử dụng đất liên quan đến khu đất tại số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thới Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu với nguyên giá là 15.166.470.000 VND, hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2022 là 5.660.666.099 VND. Khu đất này đã được chuyển đổi mục đích đầu tư dự án Khu phức hợp Chung cư cao ốc - Văn phòng do chính Công ty làm chủ đầu tư và đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng từ năm 2014. Ngày 24/08/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thu hồi khu đất này để cấp lại quyền sử dụng cho các chủ sở hữu thuộc dự án. Trong đó, Công ty có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng 4, tầng 5, tầng kỹ thuật và tầng kỹ thuật mái thuộc dự án này. Tuy nhiên, Công ty chưa tính giá trị quyền sử dụng khu đất này vào giá thành của dự án. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.”

Đây là ý kiến trên báo cáo soát xét của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Ý kiến 14: “Tại Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con): Tại Báo cáo kiểm toán năm 2021, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến việc Công ty điều chỉnh giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm 2021 số tiền 56,123 tỷ VND, nợ phải thu ngắn hạn số tiền 61,735 tỷ VND và hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi số tiền tương ứng 61,735 tỷ VND liên quan đến Ban Quản lý dự án công trình DKI theo Bảng giá trị khối lượng quyết toán và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 09/06/2021 cho Gói thầu số 01 thuộc dự án sửa chữa nâng cấp công trình DKI/20, DKI/21, DKI/11,

DKI/12 trên vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam. Dự án này đã được ghi nhận doanh thu trong năm 2017 theo giá trị khối lượng hoàn thành đưa vào sử dụng mà Công ty xác định. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không đánh giá được các ảnh hưởng của vấn đề này tới số liệu các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm”

Đây là ý kiến trên báo cáo soát xét của Công ty con trực thuộc Tổng công ty. Ý kiến của Kiểm toán viên nêu trong báo cáo kiểm toán là do không thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp để đánh giá ảnh hưởng của vấn đề trên đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, do đó, không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Về những vấn đề cần nhấn mạnh của kiểm toán trên báo cáo tài chính sau kiểm toán:

Kiểm toán viên đã đưa ra các điểm cần nhấn mạnh trong báo cáo kiểm toán theo chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 706, Tổng công ty nhận định rằng các điểm cần nhấn mạnh trên báo cáo này không phải là các điểm ngoại trừ hay từ chối. Các điểm cần nhấn mạnh này cũng không phải là phần hạn chế phạm vi kiểm toán, do Tổng công ty đã cung cấp đầy đủ toàn bộ các chứng từ cần thiết cho kiểm toán viên để kiểm toán viên có cơ sở đánh giá các vấn đề liên quan đến các điểm cần nhấn mạnh này. Các điểm nhấn mạnh này đưa ra để hướng người đọc lưu ý hơn đối với các vấn đề đã được trình bày trong Báo cáo Tài chính. Đồng thời các điểm cần nhấn mạnh này không phải là các sự kiện để kiểm toán viên cho rằng báo cáo tài chính không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp luật có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Để khắc phục khó khăn và giảm lỗ lũy kế trong thời gian tới, Ban lãnh đạo PETROCONs đã có định hướng và giải pháp khắc phục như sau:

Ban lãnh đạo PETROCONs nhận thức rõ PETROCONs đang gặp khó khăn và đã từng bước vượt qua. Do vậy, cùng với sự ủng hộ PETROCONs của Tập đoàn và các đơn vị thành viên trong Tập đoàn, PETROCONs đã rất tích cực trong việc rà soát, xây dựng và triển khai các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, khôi phục và ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh. Một số giải pháp trong thời gian tới, cụ thể như sau:

- Quyết liệt trong công tác điều hành thi công trên tất cả các công trình, dự án mà PETROCONs và các đơn vị thành viên thực hiện;

- Tích cực thực hiện công tác tiếp thị, đấu thầu để tìm kiếm và bổ sung nguồn việc;

- Tiếp tục triển khai công tác tái cấu trúc tổng thể PETROCONs theo đúng định hướng được Tập đoàn phê duyệt, theo hướng công ty Mẹ trực tiếp tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây lắp, thực hiện vai trò định hướng hoạt động cho các công ty trực thuộc, thoái toàn bộ vốn đầu tư tại các đơn vị không thuộc chuỗi ngành nghề hoạt động chính của PETROCONs; nâng cao vai trò quản lý, giám sát và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh đảm bảo

nâng cao hiệu quả hoạt động của các đơn vị và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư của PETROCONs;

- Quyết liệt trong công tác rà soát, đối chiếu và thu hồi công nợ, xây dựng kế hoạch chi tiết việc thu hồi và xử lý công nợ cho từng tháng, từng quý, nhằm thu hồi vốn đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm tối đa chi phí tài chính do bị chiếm dụng vốn;

- Tích cực làm việc với Tập đoàn/đơn vị thành viên Tập đoàn và các cơ quan quản lý nhà nước để đẩy nhanh việc phê duyệt các chi phí phát sinh tại các dự án mà PETROCONs đang tham gia;

- Chủ động và tích cực làm việc với các Ngân hàng/tổ chức tín dụng để cơ cấu lại các khoản nợ, đàm phán giảm lãi suất vay vốn và thu xếp đủ vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và giải tỏa các khoản bảo lãnh trong thời gian tới.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Tổng công ty:

6.1 Về trách nhiệm xã hội đối với môi trường:

PETROCONs chấp hành nghiêm chỉnh quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; tuân thủ các tiêu chí sau: Phòng ngừa ô nhiễm, sử dụng tài nguyên bền vững, giảm nhẹ và thích nghi với biến đổi khí hậu, kiểm soát rác thải và hiệu quả năng lượng.

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu về môi trường:

Tiêu thụ nước: Bình thường;

Năng lượng: Bình thường.

Phát thải: Bình thường.

6.2 Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Tổng công ty đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động, nâng cao chất lượng đời sống góp phần đảm bảo môi trường xanh, sạch, đẹp, tăng năng suất lao động.

6.3 Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, về khai thác tài nguyên, triển khai các giải pháp về đổi mới sáng tạo, đào tạo nguồn nhân lực để đảm bảo luôn tận dụng và hiệu quả việc sử dụng nguyên liệu đầu vào trong quá trình sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA PETROCONs

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt của Tổng Công ty

Năm 2022 tiếp tục là một năm đầy thách thức trở ngại đối với việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh (SXKD) của PETROCONs. Toàn bộ hệ thống bao gồm Công ty mẹ PETROCONs và các đơn vị thành viên đã luôn phải đối diện với

những tồn tại/hạn chế từ những năm trước để lại, cụ thể như:

- Công tác tìm kiếm nguồn việc mới gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng nguyên nhân từ năng lực nội tại của PETROCONs và ảnh hưởng chung từ dịch bệnh Covid -19. Công ty mẹ và các đơn vị chủ yếu thực hiện các công trình/dự án chuyển tiếp từ các năm trước, giá trị còn lại rất thấp.

- Các dự án đang triển khai tiếp tục phát sinh các vướng mắc đặc biệt về cơ chế thanh toán, nguồn vốn thực hiện đã kéo theo tiềm ẩn rất nhiều các rủi ro, nguy cơ ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả của dự án nói riêng, hiệu quả hoạt động SXKD của toàn PETROCONs nói chung.

- Các chính sách tài chính thắt chặt khiến PETROCONs và các đơn vị vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay từ các Ngân hàng/tổ chức tín dụng để triển khai thu xếp vốn cho các dự án.

- Việc quyết toán các dự án/công trình cũng gặp khó khăn vướng mắc tồn tại trong nhiều năm, Chủ đầu tư chưa xin được cơ chế hướng dẫn quyết toán. Công tác thu hồi/xử lý công nợ không tìm được giải pháp giải quyết do các đơn vị liên quan đến công nợ với PETROCONs hầu hết là đang rất khó khăn về tài chính không có khả năng thanh toán.

- Tại 07 công ty con PETROCONs nắm quyền chi phối: Chỉ có 3/7 đơn vị có lãi nhưng số lãi rất hạn chế và có 4/7 đơn vị của PETROCONs thua lỗ trong năm 2022 cũng đã dẫn đến Công ty mẹ tiếp tục phải thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính.

Mặc dù trong bối cảnh khó khăn như đã nêu trên, tuy nhiên với sự quan tâm, chỉ đạo sát sao của Cổ đông lớn - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam cũng như quyết tâm, nỗ lực của tập thể lãnh đạo và cán bộ công nhân viên, PETROCONs cũng đạt được một số kết quả tích cực, hoàn thành vượt mức kế hoạch doanh thu và có lãi.

Tình hình thực hiện một số nhiệm vụ năm 2022 như sau:

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông bất thường tháng 01/2022, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của PETROCONs vào ngày 16/5/2022 và hoàn thành lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đối với kế hoạch tái cơ cấu giai đoạn 2021-2025 đã được Tập đoàn phê duyệt tại Nghị quyết số 3143/NQ-DKVN vào tháng 10/2022.

- Thẩm tra tài liệu, hỗ trợ các đơn vị thành viên tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên, đại hội đồng cổ đông bất thường. Năm 2022, đã có 12/25 công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường, bao gồm có 7/7 Công ty con của PETROCONs và 5 Công ty liên kết (CTCP Xi măng Hạ Long, PVC-MT, PVC-Duyên Hải, PVC-TH và PVC-ID)

- Về kết quả sản xuất kinh doanh: PETROCONs hoàn thành vượt mức hầu hết các chỉ tiêu kinh tế năm 2022 (ngoại trừ chỉ tiêu nộp NSNN, giá trị đầu tư), năm 2022 toàn tổ hợp PETROCONs có lãi 2,92 tỷ đồng, Công ty mẹ PETROCONs lãi 52,3 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu của Công ty mẹ PETROCONs tại thời điểm 31/12/2022 là 470,05 tỷ đồng, tăng 12% so với thời điểm đầu năm. Hệ số bảo toàn vốn của Công ty mẹ PETROCONs đạt 1,12.

- Tại Dự án trọng điểm NMNĐ Thái Bình 2: Năm 2022, Dự án NMNĐ Thái Bình 2 đã được tháo gỡ một số vướng mắc như ký Phụ lục bổ sung số 40 – Điều chỉnh giá trị và mốc thanh toán cho Hệ thống vận chuyển than và đá vôi; Phụ lục bổ sung số 41 – Điều chỉnh giá trị và biểu mốc thanh toán cho phần tiền USD; Phụ lục bổ sung số 42 – Điều chỉnh giảm tỷ lệ giữ lại của phần tiền USD từ 5% xuống còn 3%. Từ những việc điều chỉnh tháo gỡ trên, dòng tiền tại Dự án đã có sự chuyển biến tốt. Theo đó, tiến độ của Dự án trong năm 2022 đã có sự chuyển biến tích cực, tổng tiến độ thực hiện năm 2022 đạt khoảng 10,09%. Đến thời điểm 31/12/2022, tiến độ tổng thể của dự án đạt 97,82%. Trong năm 2022, dự án tiếp tục được Thủ tướng Chính phủ, các Bộ/Ngành và Chủ đầu tư đặc biệt quan tâm, chú trọng nhằm đẩy nhanh tiến độ của dự án. Đến nay, dự án đã đạt được nhiều mốc quan trọng: hoàn thành chạy tin cậy Tổ máy 1 (vào ngày 05/02/2023), hoàn thành mốc đốt than Tổ máy 2 đạt công suất 600MW (vào ngày 05/3/2023).

- Công tác thoái vốn, tái cơ cấu:

+ Kế hoạch tái cơ cấu PETROCONS giai đoạn 2021-2025 đã được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thông qua tại Nghị quyết số 332/NQ-XLDK-ĐHĐCĐ ngày 11/10/2022. Hiện PETROCONS đang xây dựng lộ trình, kế hoạch triển khai theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

+ Xây dựng phương án tái cơ cấu/phục hồi hoạt động SXKD của PVC-HN, PVC-ME và PVC-ID trên cơ sở rà soát, đánh giá thực trạng của 03 Công ty và đã được HĐQT PETROCONS chấp thuận chủ trương tại Nghị quyết số 299/NQ-XLDK ngày 23/8/2022. Theo đó, PetroCons xây dựng các giải pháp để khôi phục hoạt động SXKD cho PVC-ID, duy trì hoạt động SXKD của PVC-HN với những biện pháp kiểm soát chặt chẽ hơn và thực hiện các thủ tục tạm ngừng hoạt động SXKD của PVC-ME theo quy định của pháp luật hiện hành. Hiện PETROCONS đang triển khai công tác tái cơ cấu tại 03 Công ty theo phương án được HĐQT phê duyệt.

+ Đối với công tác thoái vốn tại PVC-IC: Kể từ thời điểm phê duyệt chủ trương và phương án chuyển nhượng, PETROCONS đã thực hiện các thủ tục cần thiết với các cơ quan quản lý Nhà nước và cấp thẩm quyền để đủ điều kiện giao dịch. Dự thảo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần cũng đã được các Bên thống nhất. Tuy nhiên, sau đó PETROCONS không nhận được phản hồi của các Nhà đầu tư. Ngày 31/5/2022 PetroCons đã ban hành văn bản số 1359/XLDK-KHĐT&TCC thông báo tới các Nhà đầu tư về việc huỷ bỏ thoả thuận chuyển nhượng cổ phần của PETROCONS tại PVC-IC. Hiện PETROCONS đang xúc tiến tìm kiếm đối tác khác để chuyển nhượng.

+ Trong năm 2022, PETROCONS có 01 Công ty thành viên là PVNC đang phải làm thủ tục tạm ngừng hoạt động SXKD do công ty không có nguồn việc, thu nhập không đủ bù đắp chi phí thường xuyên, nếu tiếp tục duy trì sẽ tiếp tục thua lỗ. Hiện đơn vị chỉ duy trì một bộ phận nhỏ để thu hồi công nợ và giải quyết các vấn đề tồn đọng.

+ Khôi phục hoạt động SXKD Khách sạn Lam Kinh.

+ Tiếp tục tìm kiếm các nhà đầu tư quan tâm nhận chuyển nhượng vốn góp của PETROCONs tại các đơn vị theo chủ trương đã được ĐHĐCĐ thông qua.

+ Tiến hành rà soát, sửa đổi/bổ sung Quy trình chuyển nhượng vốn góp của PETROCONs tại các đơn vị trên cơ sở các nội dung thay đổi của pháp luật có liên quan.

- Về công tác thu hồi/xử lý công nợ (xem chi tiết tại phần Báo cáo của Ban Tổng giám đốc).

- Đối với các khoản vay vốn ủy thác của Tập đoàn: Dư nợ gốc ủy thác tại thời điểm 31/12/2022 là 579,22 tỷ đồng trong đó PETROCONs phải thu các đơn vị: 345,43 tỷ đồng (bao gồm: Khách sạn Lam Kinh: 200 tỷ đồng; PVC-SG: 128,3 tỷ đồng; PVNC: 17,1 tỷ đồng); khoản PETROCONs sử dụng: 233,724 tỷ đồng. Lãi vay PETROCONs còn phải trả PVN tính đến thời điểm 31/12/2022 là: 152,399 tỷ đồng, trong đó: Lãi trong hạn chưa thanh toán: 90 tỷ đồng, tiền phạt chậm trả lãi, gốc 60,6 tỷ đồng. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29/10/2014 HĐTV PVN đã chấp thuận gia hạn các khoản vay ủy thác của PVN cho PVC vay qua Oceanbank đến 31/12/2017 với lãi suất bằng lãi suất tiền gửi không kỳ hạn của NH Vietcombank áp dụng từ ngày 01/01/2015 (tương đương 1%/năm). Kể từ ngày 01/01/2018 đến nay PVN chưa có văn bản chấp thuận gia hạn các khoản nợ vay ủy thác, và đang tính lãi suất vay quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (tương đương 1,5%/năm). Định kỳ PETROCONs đều có văn bản đôn đốc, yêu cầu Người đại diện phần vốn của PETROCONs tại các đơn vị thành viên sử dụng các khoản vay ủy thác như: PVNC, Khách sạn Lam Kinh, PVC-SG rà soát các nguồn tiền, tài sản cân đối nguồn vốn để trả nợ vay ủy thác cho Tập đoàn.

- Đầu tư tài chính:

+ Đến thời điểm 31/12/2022, Công ty mẹ PETROCONs có vốn góp tại 25 đơn vị với giá trị đầu tư 2.326,55 tỷ đồng. Trong đó đầu tư tại 07 Công ty con là 1.384,91 tỷ đồng, các đơn vị liên kết (11 đơn vị) là 735,45 tỷ đồng và đầu tư tài chính khác (07 đơn vị) 206,20 tỷ đồng.

+ Lũy kế trích lập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính đến thời điểm 31/12/2022 là 1.665,52 tỷ đồng bằng 72% tổng giá trị đầu tư tài chính của PETROCONs, trong đó số trích lập 58,65 tỷ, hoàn nhập 1,14 tỷ.

- Công tác lao động, tiền lương:

+ Tổng số cán bộ công nhân viên đến thời điểm cuối năm 2022 của toàn PETROCONs (bao gồm Công ty mẹ và 07 đơn vị chi phối) là 1.441 người, riêng lao động tại Công ty mẹ là 212 người.

+ Năm 2022, PETROCONs có kết quả kinh doanh có lãi, năng suất lao động tăng, do vậy, thu nhập bình quân năm 2022 của lao động định biên toàn PETROCONs cũng tăng so với kế hoạch. Thu nhập bình quân hợp nhất là 10,86 triệu đồng/người/tháng, bằng 107% kế hoạch năm. Thu nhập bình quân Công ty mẹ là: 15,95 triệu đồng/người/tháng, bằng 128% kế hoạch năm.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- HĐQT theo sát và giám sát Ban Tổng giám đốc để triển khai thực hiện các nội dung Nghị quyết HĐQT đã đề ra. Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đều có trình độ, năng lực và phẩm chất, am hiểu về lĩnh vực được giao phụ trách và đã có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành các dự án/doanh nghiệp lớn.

- Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc.

- Ban Tổng giám đốc đã triển khai hoạt động SXKD của đơn vị về cơ bản phù hợp với Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, chỉ đạo của HĐQT và tuân thủ Điều lệ của PETROCONS, quy định của pháp luật.

- Ban Tổng giám đốc làm việc, tổ chức họp giao Ban thường xuyên với các đơn vị thành viên trực thuộc để chấn chỉnh các hoạt động SXKD theo đúng định hướng chung, giải quyết kịp thời các khó khăn vướng mắc trong quá trình hoạt động SXKD và đầu tư của từng đơn vị.

- Ban Tổng giám đốc đã quyết liệt có các giải pháp để tháo gỡ tồn tại vướng mắc trong công tác nghiệm thu, tháo gỡ các vướng mắc về cơ chế, vướng mắc trong triển khai thực hiện hợp đồng với Chủ đầu tư cũng như với các nhà thầu phụ, đặc biệt tại Dự án NMNĐ Thái Bình 2, đã đảm bảo hoàn thành các mốc quan trọng của dự án: hoàn thành chạy tin cậy Tổ máy 1 (vào ngày 05/02/2023), hoàn thành mốc đốt than Tổ máy 2 đạt công suất 600MW (vào ngày 05/3/2023).

- Ban Tổng giám đốc đã rà soát thực hiện lại quy chế/quy định nội bộ của PETROCONS và thực hiện điều chỉnh nhằm phù hợp với tình hình SXKD thực tế của PETROCONS và trình Hội đồng quản trị PETROCONS xem xét, phê duyệt.

3. Kế hoạch, định hướng của HĐQT năm 2023

3.1. Kế hoạch các chỉ tiêu kinh tế năm 2023:

Đơn vị tính: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH (%)	
1	Giá trị SXKD	tỷ đồng	1.250,00	1.494,59	120%	1.886,00
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	<i>600,00</i>	<i>956,30</i>	<i>159%</i>	<i>770,00</i>
2	Tổng doanh thu	tỷ đồng	1.560,00	1.821,55	116%	1.500,00
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	<i>830,00</i>	<i>1.287,52</i>	<i>155%</i>	<i>1.230,00</i>
3	Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	-	2,7		-
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	<i>-</i>	<i>53</i>		<i>-</i>
4	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	-	2,92		-
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	<i>-</i>	<i>52,3</i>		<i>-</i>
5	Nộp NSNN	tỷ đồng	104,00	57,20	55%	72,00
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>tỷ đồng</i>	<i>33,00</i>	<i>33,12</i>	<i>100%</i>	<i>26,00</i>

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022			Kế hoạch năm 2023
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ HTKH (%)	
6	Thu nhập bình quân	Tr.đ/ tháng	10,17	10,86	107%	11,14
	<i>Công ty mẹ</i>	<i>Tr.đ/ tháng</i>	<i>12,50</i>	<i>15,95</i>	<i>128%</i>	<i>13,25</i>

3.2. Các nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp:

Để hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế năm 2023, HĐQT chỉ đạo triển khai đồng bộ, thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm như sau:

- Hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu theo kế hoạch đề ra, phấn đấu toàn bộ các đơn vị trong PETROCONS có lợi nhuận trong năm 2023, đồng thời tiếp tục thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp nhằm khắc phục triệt để các khó khăn, vướng mắc còn tồn đọng;

- Triển khai phương án tái cơ cấu PETROCONS theo Nghị quyết số 332/NQ-XLDK-ĐHĐCĐ ngày 11/10/2022 của Đại hội đồng cổ đông PETROCONS thông qua Kế hoạch tái cơ cấu PETROCONS Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2021-2025;

- Hoàn thiện chiến lược kinh doanh, phát triển PETROCONS phù hợp với kế hoạch tái cơ cấu được Đại hội đồng cổ đông PETROCONS thông qua;

- Nâng cao năng lực và chất lượng bộ máy quản lý tài chính, tiếp thị, đấu thầu; củng cố, phát triển nguồn nhân lực, nguồn vốn, cơ sở vật chất, thiết bị thi công,... để hoàn thành hồ sơ năng lực, tham gia đấu thầu, thực hiện các dự án công trình đảm bảo chất lượng, tiến độ;

- Tại dự án NMNĐ Thái Bình 2: (i) Tập trung huy động tối đa nguồn lực (bao gồm cả sự hỗ trợ của các đơn vị thành viên của Tập đoàn) để đưa Dự án về đích, phát điện thương mại Tổ máy số 1 và Tổ máy số 2 trong thời gian sớm nhất, đảm bảo ổn định, tin cậy và an toàn; (ii) Rà soát, củng cố bộ máy, tăng cường công tác quản trị rủi ro, kiểm soát chặt chẽ bảo đảm các mốc tiến độ đề ra, xây dựng các kịch bản/ giải pháp xử lý các tình huống phát sinh; (iii) Xem xét, triển khai các giải pháp tài chính phù hợp để tăng tính chủ động và đẩy nhanh tiến độ mua sắm vật tư, thiết bị cần thiết cho 02 tổ máy.

- Hoàn thành công tác lập hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán và thu hồi vốn, thu hồi công nợ tại các dự án/công trình, bổ sung nguồn vốn phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tập trung nhân lực thực hiện công tác quyết toán hợp đồng EPC dự án NMNĐ Thái Bình 2;

- Tiếp tục thu xếp nguồn vốn, bổ sung tài sản đảm bảo/ hoàn trả cho khoản vay ủy thác của Tập đoàn qua Oceanbank. Chỉ đạo Người đại diện phần vốn của PETROCONS tại các đơn vị làm việc với các tổ chức tín dụng để giải quyết các khoản bảo lãnh vay vốn của PETROCONS cho các đơn vị.

- Chủ động xúc tiến tìm kiếm đối tác, đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền giải quyết quyền lợi của PETROCONS/ Tập đoàn liên quan đến phương án thu hồi vốn/ hoặc tiếp tục đầu tư tại dự án Khu công nghiệp Soài Rạp, Tiền Giang;

- Tập trung củng cố, hoàn thiện năng lực bộ máy quản lý tài chính, hạch toán kế toán tuân thủ quy định của pháp luật; giám sát công tác quản lý kinh tế, hạch toán kinh doanh, quản lý hợp đồng, quản lý chi phí đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh;

- Kiện toàn, cơ cấu lại bộ máy tổ chức, nhân sự đảm bảo cơ cấu gọn nhẹ, có năng lực, trình độ đáp ứng yêu cầu trong công tác điều hành và triển khai các hoạt động sản xuất kinh doanh của PETROCONS;

- Rà soát, sửa đổi hệ thống quy chế, quy định nội bộ của PETROCONS đảm bảo thống nhất, đồng bộ giữa/trong các quy chế, quy định, đồng thời đảm bảo phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước và Điều lệ của PETROCONS;

- Tăng cường công tác kiểm soát, giám sát hoạt động SXKD tại các đơn vị thành viên; nâng cao vai trò và trách nhiệm của Người đại diện phần vốn của PETROCONS trong việc quản lý và sử dụng hiệu quả vốn đầu tư tại các đơn vị thành viên.

- Quan tâm, chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng để có lực lượng cán bộ, công nhân viên đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của PETROCONS;

- Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động theo quy định tại Điều 76 Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu HĐQT

- Đến thời điểm hiện tại HĐQT PETROCONS bao gồm 05 thành viên, đủ số lượng theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của PETROCONS. Cụ thể như sau:

- Ông Nghiêm Quang Huy - Chủ tịch Hội đồng quản trị đại diện quản lý 25% VDL của cổ đông lớn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, tương đương 100.000.000 cổ phần.

- Ông Trần Hải Bằng – Thành viên Hội đồng quản trị đại diện quản lý 15% VDL của cổ đông lớn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, tương đương 60.000.000 cổ phần.

- Ông Chu Thanh Hải - Thành viên Hội đồng quản trị, quản lý 14,47% VDL của cổ đông lớn Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, tương đương 57.873.333 cổ phần.

01 Thành viên Hội đồng quản trị là Người đại diện của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (không đại diện phần vốn): ông Nguyễn Hoài Nam.

01 Thành viên độc lập Hội đồng quản trị là ông Phạm Văn Khánh.

b. Các tiểu Ban thuộc Hội đồng quản trị: PETROCONs không thành lập các tiểu ban thuộc HĐQT.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Trong năm 2022, HĐQT họp 05 phiên họp thường kỳ và 148 lần lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, thông qua 55 Nghị quyết, 48 Quyết định và các văn bản chỉ đạo khác liên quan đến các hoạt động của PETROCONs. Các Nghị quyết/Quyết định ban hành năm 2022 được thể hiện chi tiết tại Báo cáo tình hình quản trị công ty số 11/BC-XLKD ngày 17/01/2023 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Tổng hợp kết quả tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị của các thành viên:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Nghiêm Quang Huy	05/05	100%	
2	Ông Chu Thanh Hải	05/05	100%	
3	Ông Phạm Văn Khánh	05/05	100%	
4	Ông Nguyễn Hoài Nam	04/04	100%	TV HĐQT từ ngày 20/01/2022
5	Ông Trần Hải Bằng	05/05	100%	

Ngoài các phiên họp định kỳ và bất thường, trong năm 2022, HĐQT đã cử các Thành viên HĐQT tham gia các cuộc họp cùng Ban Tổng giám đốc để giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình triển khai thực hiện công việc tại dự án trọng điểm Nhà máy Nhiệt điện (NMNĐ) Thái Bình 2.

d. Hoạt động của thành viên độc lập HĐQT

- Hoạt động của Thành viên độc lập HĐQT trong năm 2022:
- + Thành viên độc lập HĐQT làm việc theo chế độ không thường xuyên;
- + Thành viên độc lập HĐQT tham gia đầy đủ các buổi họp của HĐQT, trả đầy đủ các phiếu xin ý kiến của HĐQT;
- + Thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của Thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ của Tổng công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quyết định phân công nhiệm vụ của các Thành viên HĐQT.

e. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm:

- Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:

STT	Thành Viên HĐQT	Chứng chỉ đào tạo	Tên trường	Thời gian
-----	-----------------	-------------------	------------	-----------

1	Ô. Nghiêm Quang Huy	<ul style="list-style-type: none"> - Bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên - Đào tạo tiền công vụ - Bồi dưỡng nghiệp vụ về đấu thầu - Bồi dưỡng nghiệp vụ QLDA và định giá xây dựng trong lĩnh vực cầu đường - Tập huấn nghiệp vụ cho kỹ sư giao thông - Trung cấp lý luận chính trị - HCK112 - Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị -DCP 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường ĐTCB Lê Hồng Phong - Học viện hành chính Quốc gia - Trung tâm đào tạo về quản lý - Trường cán bộ quản lý giao thông vận tải - Tổ chức JICA (Nhật Bản) - Trường CBQL Giao thông vận tải - Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt nam (VIOD) 	<ul style="list-style-type: none"> Từ 24/6/2004 – 10/01/2005 - Từ 9/2005 – 12/2005 5/2006 11/2009 9/2008 - Từ tháng 6/2020 đến tháng 3/2021 9/2022
2	Ô. Chu Thanh Hải	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận bồi dưỡng Kế toán trưởng doanh nghiệp nhà nước năm 2004 - Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị -DCP 	<ul style="list-style-type: none"> - Học viện tài chính - Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt nam (VIOD) 	<ul style="list-style-type: none"> Từ 10/5/2004 đến 26/6/2004 11/2022
3	Ô. Nguyễn Hoài Nam	<ul style="list-style-type: none"> - Chứng chỉ Đàm phán HĐ xây dựng, giải quyết xung đột và tranh chấp trong dự án xây dựng, xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả tại. - Chứng chỉ Bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu nâng cao - Trung cấp lý luận chính trị 	<ul style="list-style-type: none"> - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội. - Công ty CP CFTD sáng tạo - Đảng ủy khối doanh nghiệp TW - Trường cán bộ quản lý Giao thông vận tải 	<ul style="list-style-type: none"> 11/2006 5/2013 - Tháng 06/2020 đến tháng 02/2021

		- Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị - DCP	- Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt nam (VIOD)	9/2022
4	Ô. Trần Hải Bằng	- Chứng chỉ đào tạo khóa học “Quản trị doanh nghiệp” - Chứng nhận Thành viên Hội đồng quản trị -DCP	- Công ty cổ phần đào tạo và công nghệ STEC - Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt nam (VIOD)	8/2022 11/2022

2. Ban kiểm soát

a. Thành viên và cơ cấu tổ chức của Ban Kiểm soát.

Ban Kiểm soát Tổng công ty gồm 03 thành viên, trong đó:

- + Ông Hứa Xuân Nam – Trưởng Ban Kiểm soát
- + Ông Nguyễn Ngọc Cương – Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm (kể từ ngày 30/6/2021 theo Nghị quyết số 148/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK ngày 30/6/2021).
- + Ông Phùng Văn Sỹ - Thành viên Ban Kiểm soát kiêm nhiệm (kể từ ngày 30/6/2021 theo Nghị quyết số 148/NQ-ĐHĐCĐ-XLTK ngày 30/6/2021).

b. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2022, trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty thông qua, Ban Kiểm soát đã tập trung triển khai công tác giám sát thường xuyên tại Cơ quan Tổng công ty về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh (hoạt động SXKD) của Tổng công ty, nội dung thực hiện các công việc như sau:

- Giám sát các hoạt động SXKD của Tổng công ty thông qua việc tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc về công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.
- Trưởng Ban Kiểm soát trực tiếp tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng của Tổng công ty và của Tổng công ty với các đơn vị thành viên.
- Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các chính sách, chế độ của Nhà nước, các quy định của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, HĐQT và Ban Tổng giám đốc PETROCONS thông qua việc xem xét nghiên cứu các Nghị quyết của HĐQT và các quyết định điều hành hoạt động SXKD của Ban Tổng giám đốc.
- Tham gia các cuộc họp rà soát kết quả hoạt động SXKD quý/năm của PETROCONS.
- Thực hiện thẩm tra nội dung đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của các đơn vị thành viên và các công ty liên kết, công ty đầu tư tài chính.

Trưởng Ban Kiểm soát trực tiếp tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tại các đơn vị thành viên.

- Hàng quý, Ban Kiểm soát ban hành các công văn gửi HĐQT, Tổng giám đốc PETROCONS đề nghị cung cấp kết quả hoạt động SXKD tại Công ty mẹ và toàn Tổng công ty để kiểm tra, giám sát đồng thời làm cơ sở lập báo cáo hàng quý/năm gửi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, cụ thể: công văn số 723/XLDK-BKS ngày 21/03/2022, công văn số 1635/XLDK-BKS ngày 28/6/2022; công văn số 2481/XLDK-BKS ngày 21/9/2022;

- Ngoài công tác kiểm tra giám sát thường xuyên tại Tổng công ty, Ban Kiểm soát đã thực hiện công tác kiểm tra, giám sát tại 03 đơn vị: Công ty Cổ phần Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS), Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô), Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại và Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình).

- Đối với các đơn vị thành viên khác, Ban Kiểm soát xem xét các báo cáo của đơn vị và Người đại diện phần vốn của PETROCONS tại các đơn vị để kịp thời đưa ra các kiến nghị đề xuất đối với HĐQT, Tổng giám đốc PETROCONS.

+ Ngày 12/8/2022, Ban Kiểm soát có công văn số 2093/XLDK-BKS gửi Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại các đơn vị công ty liên kết và đầu tư tài chính về việc báo cáo tình hình hoạt động SXKD của đơn vị năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022.

+ Ngày 06/10/2022, Ban Kiểm soát có công văn số 2610/XLDK-BKS gửi Người đại diện phần vốn của PETROCONS tại đơn vị thành viên/Người đại diện của PETROCONS làm công tác kiểm soát tại các đơn vị thành viên về việc báo cáo công tác giám sát hoạt động SXKD hàng quý tại các đơn vị.

- Căn cứ công văn số 14-2018/KSVPVN ngày 26/02/2018 của Kiểm soát viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc gửi báo cáo định kỳ cho Kiểm soát viên PVN, trong đó có báo cáo thẩm định Quỹ tiền lương thực hiện hàng năm, Ban Kiểm soát đã xem xét báo cáo tài chính của Công ty mẹ năm 2021 và các Nghị định/thông tư hướng dẫn của Nhà nước về việc thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty Cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

Trên cơ sở văn bản số 704/DKVN-QTNL ngày 16/02/2022 của cổ đông lớn là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc báo cáo quyết toán Quỹ lương thực hiện năm 2021 đối với các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Ban Kiểm soát Tổng công ty đã có văn bản số 607/XLDK-BKS gửi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về công tác thẩm định Quỹ tiền lương của Công ty mẹ năm 2021.

- Thực hiện theo Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng, trong năm 2022, Ban Kiểm soát Tổng công ty đã tổ chức 02 cuộc họp diễn ra vào ngày 22/03/2022 và ngày 13/10/2022 với nội dung báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ trong Quý và triển khai kế hoạch hoạt động Quý tiếp theo. Bên cạnh các cuộc họp, Ban Kiểm soát có trao đổi công việc thông qua hình thức email, điện thoại.

STT	Ngày tháng năm	Số thành viên tham gia	Nội dung	Kết quả
1	22/3/2022	3/3	Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ Quý IV/2021 và triển khai hoạt động Quý I/2022 của Ban Kiểm soát	Các thành viên trong Ban Kiểm soát hoàn toàn nhất trí các nội dung trong cuộc họp
2	13/10/2022	3/3	Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ trong năm và triển khai kế hoạch Quý IV/2022	Các thành viên trong Ban Kiểm soát hoàn toàn nhất trí các nội dung trong cuộc họp

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quyền hạn và chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát đã được ĐHCĐ thường niên năm 2022 thông qua.

3. Các giao dịch thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát.

3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

a. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT TCT

- Tiền lương/thù lao của các thành viên HĐQT thực lĩnh trong năm 2022 là 2.697.852.922 đồng.

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương/thù lao năm 2022	Thực lĩnh năm 2022	Ghi chú
1	Mr. Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch	661.504.348	711.573.063	
2	Mr. Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập	272.900.000	337.050.000	
3	Mr. Chu Thanh Hải	Thành viên	564.663.333	627.780.716	
4	Mr. Trần Hải Bằng	Thành viên	570.247.619	520.122.405	
5	Mr. Nguyễn Hoài Nam	Thành viên	539.415.179	425.952.738	

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương/thù lao năm 2022	Thực lĩnh năm 2022	Ghi chú
6	Mr. Lương Đình Thành	Thành viên HĐQT kiêm TGD		75.374.000	Thôi giữ chức TGD từ ngày 06/08/2021

Chi phí hoạt động của HĐQT trong năm 2022 là: 524.102.784 đồng.

b. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Ban Tổng Giám đốc

Tiền lương/thù lao của Ban Tổng giám đốc thực lĩnh trong năm 2022 là 2.551.418.755, đồng.

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương năm 2022	Ghi chú
1	Mr. Phan Tử Giang	Tổng giám đốc	658.463.159	
2	Mr. Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng giám đốc	644.340.455	
3	Mr. Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng giám đốc	33.214.762	
4	Mr. Bùi Sơn Trường	Phó Tổng giám đốc	574.802.381	
5	Mr. Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng giám đốc	640.597.998	

c. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Ban Kiểm soát

- Tiền lương/thù lao của các thành viên Ban Kiểm soát thực lĩnh trong năm 2022 là 666.007.456 đồng.

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương/thù lao năm 2022	Thực lĩnh năm 2022	Ghi chú
1	Hứa Xuân Nam	Trưởng Ban	520.450.000	601.207.456	
2	Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên kiêm nhiệm	36.000.000	32.400.000	
3	Phùng Văn Sỹ	Thành viên kiêm nhiệm	36.000.000	32.400.000	

- Chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2022 là: 84.252.607 đồng.

3.2 Giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ:

Năm 2022, PETROCONS không có giao dịch cổ phiếu của Người nội bộ.

3.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Trong năm 2022, Tổng công ty không có giao dịch với Người nội bộ.

3.4 Về thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Tổng công ty thực hiện đầy đủ các quy định về quản trị công ty.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán: Xem tại mục 5, chương III – Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

- Báo cáo tài chính hợp nhất sau kiểm toán năm 2022 của PETROCONS: đính kèm.

- Báo cáo tài chính riêng của PETROCONS năm 2022 sau kiểm toán xem tại website: <https://petrocons.vn/upload/img/files/2023/File%20PDF%20thang%2004/BC%20Cong%20ty%20Me.pdf>.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- HĐQT, Ban KS (b/c);
- Người phụ trách quản trị kiểm thư ký TCT;
- Lưu VT, TCKT.

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY
LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC



Phan Tử Giang



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(đã được kiểm toán)

MSD

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 07
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	08 - 59
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	08 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 59

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3500102365 ngày 20 tháng 12 năm 2007 thay đổi lần thứ 21 ngày 23 tháng 02 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch	
Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên	
Ông Trần Hải Bằng	Thành viên	
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 20 tháng 01 năm 2022)

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Tử Giang	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Mạnh Quang	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Quyết Thắng	Phó Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 26 tháng 01 năm 2022)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 26 tháng 01 năm 2022)
Ông Chu Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2022)

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng ban
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên
Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc
TỔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY LẮP DẦU KHÍ
VIỆT NAM
Phan Tử Giang
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023





Số: 290323.004/BCTC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được lập ngày 29 tháng 03 năm 2023, từ trang 08 đến trang 59, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

Chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề sau đây đến Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Tổng Công ty (đính kèm):

1. Tại ngày 31/12/2022, Báo cáo tài chính của Tổng Công ty đang phản ánh: Lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 3.840,62 tỷ VND, nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 5.690,10 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) là 520,01 tỷ VND, các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2022 là 835,14 tỷ VND. Tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 01/01/2022 cũng trong tình trạng tương tự. Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính, chúng tôi không có đủ thông tin để có thể đánh giá được mức độ thích hợp, hiệu quả của các kế hoạch hoạt động này.
2. Tháng 5 năm 2021, Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền kiểm soát tại công ty con - Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí ("Petroland") thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của Petroland, và trong tháng 12/2021 Tổng Công ty đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Petroland. Các xử lý kế toán tại thời điểm chuyển Petroland thành công ty liên kết cũng như chuyển nhượng khoản đầu tư tại Petroland được xác định trên cơ sở số liệu Báo cáo tài chính tại ngày 31/03/2021 và Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2021 chưa được kiểm toán. Các Báo cáo tài chính này cũng chưa xử lý các vấn đề kiểm toán viên ngoại trừ trên Báo cáo tài chính của Petroland cho năm tài chính 2019 và 2020. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và vấn đề ngoại trừ trên báo cáo tài chính của Petroland tại các thời điểm nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu so sánh có liên quan trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất (cột "Năm 2021") kèm theo hay không.



3. Tại ngày 31/12/2022, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 01/01/2022 là 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là 124,4 tỷ VND (tại ngày 01/01/2022 là 124,4 tỷ VND) (Thuyết minh số 7). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 31/12/2022 và ngày 01/01/2022. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
4. Tại ngày 31/12/2022, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (Thuyết minh số 10) và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 (Thuyết minh số 15) có giá gốc lần lượt là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 01/01/2022 là 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31/12/2022 và ngày 01/01/2022. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
5. Tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất trình bày số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31/12/2022 bao gồm các dự án (Tổng Công ty là Chủ đầu tư) đã tạm dừng thực hiện từ các năm trước là (1) Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và (2) Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang với tổng số tiền là khoảng 5,7 tỷ VND (tại ngày 01/01/2022 là khoảng 5,7 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
6. Tổng Công ty đang hợp nhất Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (công ty con) vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo số liệu báo cáo tài chính năm kết thúc ngày 31/12/2022 (trong đó: Tại ngày 31/12/2022 Tổng tài sản là 18,28 tỷ VND và Vốn chủ sở hữu là âm 184,75 tỷ VND; Doanh thu và Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2022 lần lượt là 0,74 tỷ VND và âm 2,86 tỷ VND) chưa được kiểm toán. Đối với các công ty liên kết, trừ Báo cáo tài chính của Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung đã được kiểm toán, giá trị khoản đầu tư vào các Công ty liên kết còn lại đang được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 (Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa) hoặc Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được (thuyết minh số 04). Chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp của các số liệu này.
7. Tại ngày 31/12/2022, Công ty mẹ Tổng Công ty không thu thập được báo cáo tài chính của các đơn vị nhận vốn đầu tư đối với các khoản "Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác" (mã số 253) trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng cho các khoản đầu tư này lần lượt là 206,31 tỷ VND và 169,698 tỷ VND (dự phòng đầu tư vào các công ty này trích lập dựa trên số liệu Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được). Chúng tôi không thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này.
8. Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (Công ty con) chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính được giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là thành phẩm bất động sản có giá trị ghi sổ tại ngày 01/01/2022 và tại ngày 31/12/2022 là 36,3 tỷ VND (Thuyết minh số 10). Chúng tôi không thể thu thập được các tài liệu thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là các thành phẩm bất động sản này.
9. Tại ngày 31/12/2022, số dư Hàng tồn kho trình bày trên Báo cáo tài chính của Công ty con - Công ty CP Dầu khí Đông Đô bao gồm các công trình Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện Sông Hậu 1, Chung cư Trần Anh - Long An và Thi công nhà đa năng Quận 1 với tổng giá trị thi công dở dang là khoảng 61,21 tỷ VND (tại ngày 01/01/2022: 65,74 tỷ VND). Chúng tôi không thể đánh giá được giá trị thuần có thể thực hiện được của các công trình thi công dở dang nêu trên tại các thời điểm nêu trên.

10. Tại ngày 31/12/2022, số dư khoản góp vốn của Công ty CP Dầu khí Đông Đô (Công ty con) vào dự án "Tổ hợp nhà ở kết hợp dịch vụ siêu thị và văn phòng làm việc tại số 28, đường Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội" (Dự án Dolphin Plaza) là 27,2 tỷ VND (tại ngày 01/01/2022 là 37,1 tỷ VND) (Thuyết minh số 16). Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng cho khoản góp vốn đầu tư này hay không.

11. Tại Công ty CP Dầu khí Đông Đô (công ty con), số dư công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ, cụ thể: nợ phải thu tại ngày 01/01/2022 và 31/12/2022 với giá trị lần lượt là 62,83 tỷ VND và 29,17 tỷ VND; nợ phải trả tại ngày 01/01/2022 và 31/12/2022 với giá trị lần lượt là: 49,72 tỷ VND và 25,53 tỷ VND. Khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 31/12/2022 là 23,03 tỷ VND chưa được công ty xem xét và đánh giá khả năng trích lập dự phòng. Chúng tôi không đánh giá được tính hiện hữu, khả năng thu hồi cũng như số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập đối với các khoản công nợ này.

12. Tại Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con): Chúng tôi chưa thu thập được dự toán chi phí đã được Hội đồng quản trị Công ty này phê duyệt đối với các dự án: Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 và Tổ hợp hóa dầu Miền Nam Việt Nam hoặc các tài liệu khác có giá trị pháp lý tương đương. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được sự phù hợp của doanh thu, giá vốn mà Công ty này đã ghi nhận từ hai dự án này cũng như ảnh hưởng của các số liệu đó tới Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Các số liệu Công ty này đã ghi nhận vào Báo cáo tài chính cụ thể như sau:

Diễn giải	Lũy kế đến ngày 01/01/2022	Trong năm	Lũy kế đến ngày 31/12/2022
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2			
Doanh thu	682.907.156.484	115.257.300.162	798.164.456.646
Giá vốn	697.652.860.820	82.541.643.468	780.194.504.288
Tổ hợp hóa dầu Miền Nam Việt Nam			
Doanh thu	2.272.359.224.771	256.693.787.385	2.529.053.012.156
Giá vốn	2.236.262.803.965	317.470.714.791	2.553.733.518.756

13. Tại Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con): Tại Thuyết minh số 13 của Báo cáo tài chính hợp nhất này đã trình bày việc Công ty đang theo dõi giá trị quyền sử dụng đất liên quan đến khu đất tại số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thảng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu với nguyên giá là 15.166.470.000 VND, hao mòn lũy kế đến ngày 31/12/2022 là 5.660.666.099 VND. Khu đất này đã được chuyển đổi mục đích đầu tư dự án Khu phức hợp Chung cư cao ốc - Văn phòng do chính Công ty làm chủ đầu tư và đã được nghiệm thu đưa vào sử dụng từ năm 2014. Ngày 24/08/2017, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thu hồi khu đất này để cấp lại quyền sử dụng cho các chủ sở hữu thuộc dự án. Trong đó, Công ty có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng 4, tầng 5, tầng kỹ thuật và tầng kỹ thuật mái thuộc dự án này. Tuy nhiên, Công ty chưa tính giá trị quyền sử dụng khu đất này vào giá thành của dự án. Trong phạm vi của một cuộc kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất, chúng tôi không thể đánh giá được ảnh hưởng của các vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

14. Tại Công ty CP Kết cấu kim loại và Lắp máy Dầu khí (Công ty con): Tại Báo cáo kiểm toán năm 2021, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến việc Công ty điều chỉnh giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trong năm 2021 số tiền 56,123 tỷ VND, nợ phải thu ngắn hạn số tiền 61,735 tỷ VND và hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi số tiền tương ứng 61,735 tỷ VND liên quan đến Ban Quản lý dự án công trình DKI theo Bảng giá trị khối lượng quyết toán và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 09/06/2021 cho Gói thầu số 01 thuộc dự án sửa chữa nâng cấp công trình DKI/20, DKI/21, DKI/11, DKI/12 trên vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam. Dự án này đã được ghi nhận doanh thu trong năm 2017 theo giá trị khối lượng hoàn thành đưa vào sử dụng mà Công ty xác định, do đó, việc điều chỉnh dự án này trong năm 2021 là không phù hợp theo Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện, chúng tôi không đánh giá được các ảnh hưởng của vấn đề này tới số liệu các Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán

Do tầm quan trọng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, tại ngày 31/12/2022, Tổng Công ty có một số khoản công nợ tiềm tàng và chưa có kết quả cuối cùng về các nghĩa vụ liên quan của Tổng Công ty.

Vấn đề cần nhấn mạnh này không liên quan đến việc từ chối đưa ra ý kiến của chúng tôi.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO. Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến đối với các Báo cáo tài chính này tại ngày 30/03/2022.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Phạm Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2023-002-1
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

A handwritten signature in black ink.

Nguyễn Duy Quảng
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3363-2020-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	(đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		5.170.090.784.717	5.023.338.615.460
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	561.632.676.583	389.565.231.203
111	1. Tiền		374.444.507.393	119.082.308.584
112	2. Các khoản tương đương tiền		187.188.169.190	270.482.922.619
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	271.344.315.068	291.627.744.812
121	1. Chứng khoán kinh doanh		14.900.000.000	14.900.000.000
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(13.885.000.000)	(13.885.000.000)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		270.329.315.068	290.612.744.812
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		2.266.520.235.339	2.494.156.874.867
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.048.572.941.392	2.339.675.548.122
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	583.279.284.527	519.685.598.262
134	3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	1.553.515.662
135	4. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	356.277.576.669	371.489.653.344
136	5. Phải thu ngắn hạn khác	8	378.392.726.266	389.470.924.441
137	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(1.100.879.988.965)	(1.128.596.060.414)
139	7. Tài sản thiếu chờ xử lý		877.695.450	877.695.450
140	IV. Hàng tồn kho	10	1.944.523.515.637	1.719.952.079.271
141	1. Hàng tồn kho		2.106.988.854.021	1.875.761.994.544
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(162.465.338.384)	(155.809.915.273)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		126.070.042.090	128.036.685.307
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	4.435.304.412	1.480.219.692
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		86.280.932.151	88.259.569.316
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	19	35.353.805.527	35.296.896.299
155	4. Tài sản ngắn hạn khác	16	-	3.000.000.000


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	(đã điều chỉnh) VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.515.875.875.936	1.558.773.617.690
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		24.647.144.775	15.981.259.000
212	1. Trả trước cho người bán dài hạn	6	12.485.376.511	18.643.352.360
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	33.560.998.047	21.838.136.423
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(21.399.229.783)	(24.500.229.783)
220	II. Tài sản cố định		1.040.739.070.967	1.074.092.823.193
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	780.755.945.661	812.803.926.968
222	- Nguyên giá		1.632.216.023.937	1.637.060.465.064
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(851.460.078.276)	(824.256.538.096)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	259.983.125.306	261.288.896.225
228	- Nguyên giá		288.905.440.726	288.905.440.726
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(28.922.315.420)	(27.616.544.501)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	81.301.732.065	83.507.680.050
231	- Nguyên giá		108.717.372.483	108.717.372.483
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(27.415.640.418)	(25.209.692.433)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	15	137.259.386.266	145.654.889.656
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		25.064.213.539	25.064.213.539
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		112.195.172.727	120.590.676.117
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	70.483.753.787	70.483.753.787
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		33.869.362.777	33.869.362.777
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		206.313.000.000	203.313.000.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(169.698.608.990)	(166.698.608.990)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		161.444.788.076	169.053.212.004
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	103.978.597.428	102.054.386.992
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	35	17.335.686.208	16.529.942.280
268	3. Tài sản dài hạn khác	16	40.130.504.440	49.997.739.734
269	4. Lợi thế thương mại		-	471.142.998
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.685.966.660.653	6.582.112.233.150

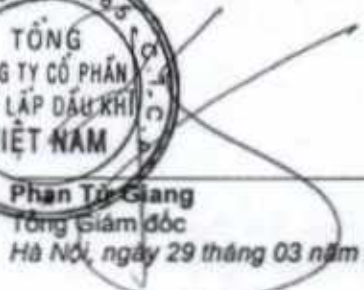
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	(đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		5.880.346.683.373	5.777.321.947.343
310	I. Nợ ngắn hạn		5.690.102.720.215	5.569.813.490.577
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	3.326.153.177.700	3.140.552.228.830
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	192.884.279.788	190.114.381.041
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	19	125.972.934.807	146.049.413.093
314	4. Phải trả người lao động		56.106.585.285	66.745.362.326
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	20	609.291.339.401	588.087.217.143
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	21	2.903.820.933	2.339.391.620
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	22	575.967.531.145	579.985.571.361
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	23	801.059.519.538	856.711.948.372
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	24	2.616.500.000	1.831.227.000
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(2.852.968.382)	(2.603.250.209)
330	II. Nợ dài hạn		190.243.963.158	207.508.456.766
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	20	71.389.452.285	72.686.317.725
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	21	53.919.875.653	55.464.061.821
337	3. Phải trả dài hạn khác	22	1.688.588.636	1.421.588.636
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	23	50.608.800.000	62.417.400.000
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	24	12.637.246.584	15.519.088.584
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		805.619.977.280	804.790.285.807
410	I. Vốn chủ sở hữu	25	805.619.977.280	804.790.285.807
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		6.831.719.482	6.831.719.482
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		22.681.220.411	22.681.220.411
415	4. Cổ phiếu quỹ		(29.720.195)	(29.720.195)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		150.859.427.814	150.859.427.814
420	6. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		2.162.412.232	2.162.412.232
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(3.840.619.958.047)	(3.882.674.918.762)
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(3.887.633.042.407)	(3.954.179.184.086)
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		47.013.084.360	71.504.265.324
429	8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		463.734.875.583	504.960.144.825
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		6.685.966.660.653	6.582.112.233.150


Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu


Vũ Minh Công
Kế toán trưởng




Phan Tử Giang
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	(đã điều chỉnh) VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	1.782.910.460.622	2.058.836.185.440
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27	-	235.395.000
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	1.782.910.460.622	2.058.600.790.440
11	4. Giá vốn hàng bán	28	1.652.383.999.528	2.150.548.417.386
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		130.526.461.094	(91.947.626.946)
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29	30.550.391.298	181.364.938.325
22	7. Chi phí tài chính	30	59.030.921.100	59.543.898.696
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		39.156.039.609	49.198.879.391
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	11.978.272.750
25	9. Chi phí bán hàng		396.214.181	67.946.000
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	31	94.198.869.411	17.906.803.901
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		7.450.847.700	23.876.935.532
31	12. Thu nhập khác	32	8.098.801.306	33.701.883.796
32	13. Chi phí khác	33	12.848.700.835	8.560.232.754
40	14. Lợi nhuận khác		(4.749.899.529)	25.141.651.042
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.700.948.171	49.018.586.574
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	34	697.942.245	-
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	35	(924.657.952)	1.916.886.748
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>2.927.663.878</u>	<u>47.101.699.826</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		47.013.084.360	76.511.220.570
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		(44.085.420.482)	(29.409.520.744)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	118	191



Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu



Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Phan Tử Giang
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.700.948.171	49.018.586.574
	2. Điều chỉnh cho các khoản		49.230.641.696	(257.507.663.356)
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		47.727.791.829	65.251.165.217
03	- Các khoản dự phòng		(23.258.217.338)	(179.940.304.845)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		8.211.659.911	2.534.967.985
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(22.606.632.315)	(194.552.371.104)
06	- Chi phí lãi vay		39.156.039.609	49.198.879.391
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		51.931.589.867	(208.489.076.782)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		247.603.924.443	(121.588.193.207)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(233.223.111.337)	880.623.265.909
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		157.594.491.979	(301.216.404.074)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(4.879.295.156)	14.887.773.811
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	171.000.000
14	- Tiền lãi vay đã trả		(27.812.158.031)	(54.413.982.606)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(782.987.045)	-
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		13.503.700.000	11.389.150.125
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(14.598.860.610)	(1.423.140.632)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		189.337.294.110	219.940.392.544
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(5.351.830.071)	(816.470.953)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		6.909.543.622	1.908.650.313
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(35.000.000.000)	(314.344.061.094)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		71.129.178.914	49.414.013.019
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.339.855.288	419.612.370.870
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		11.664.561.044	4.547.890.744
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		53.691.308.797	160.322.392.899

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		402.179.809.523	629.084.522.220
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(469.640.838.357)	(902.013.104.400)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(21.280.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(67.461.028.834)	(272.949.862.180)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		175.567.574.073	107.312.923.263
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		389.565.231.203	282.253.910.286
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(3.500.128.693)	(1.602.346)
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	561.632.676.583	389.565.231.203

Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu

Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Phạm Tử Giang
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Năm 2022

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 3500102365 ngày 20 tháng 12 năm 2007 thay đổi lần thứ 21 ngày 23 tháng 02 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 21 ngày 23 tháng 02 năm 2022, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 229 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 233 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Xây lắp

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Tổng Công ty là: thi công xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Theo quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc tạm chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, doanh thu dự kiến để thực hiện dự án là 926,6 triệu USD và 11.076,2 tỷ VND; giá vốn dự kiến để thực hiện dự án của Tổng Công ty là 921,2 triệu USD và 11.402,1 tỷ VND; từ đó xác định tỷ lệ lỗ góp mới dự kiến của toàn dự án là 0,67%. Tổng Công ty đã xác định chênh lệch giá vốn lũy kế của dự án so với giá vốn được xác định theo tỷ lệ lỗ góp cũ là 1,28% và điều chỉnh giảm giá vốn hàng bán của năm 2022 điều này khiến lãi gộp tăng mạnh so với năm trước.

Áp dụng giá định về Hoạt động liên tục:

Tại ngày 31/12/2022, lỗ lũy kế (mã số 421) của Tổng Công ty là 3.840,62 tỷ VND (tại ngày 01/01/2022 là 3.882,67 tỷ VND); nợ phải trả ngắn hạn (mã số 310) là 5.690,10 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn (mã số 100) là 520,01 tỷ VND (tại ngày 01/01/2022 là 5.569,81 tỷ VND vượt quá tài sản ngắn hạn là 546,47 tỷ VND); các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31/12/2022 là 835,14 tỷ VND (tại ngày 01/01/2022 là 819,72 tỷ VND). Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng công ty. Một số Báo cáo tài chính của các công ty con của Tổng Công ty cũng tồn tại nhiều yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ khả năng hoạt động liên tục như: Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí, Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ.

Đến nay, Tổng Công ty đã được Tập đoàn Dầu khí Quốc Gia Việt Nam phê duyệt phương án tái cơ cấu các khoản đầu tư, Tổng Công ty cũng đang xây dựng kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 và

Chiến lược phát triển Tổng Công ty trình Tập đoàn phê duyệt. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang quyết liệt thực hiện các giải pháp khác và tin tưởng rằng các giải pháp này sẽ thành công và Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh bình thường. Do đó, Báo cáo tài chính hợp nhất vẫn được lập dựa trên giả định hoạt động liên tục.

Đại dịch Covid-19

Đại dịch Covid-19 đang ảnh hưởng tiêu cực đến toàn bộ nền kinh tế và hầu hết các doanh nghiệp, ngành nghề. Tình hình này dẫn đến các yếu tố không chắc chắn và có thể tác động đến môi trường mà Tổng Công ty và các công ty con đang hoạt động. Ban Tổng Giám đốc Công ty vẫn đang tiếp tục theo dõi các diễn biến của tình hình, cũng như đánh giá các ảnh hưởng tài chính liên quan đến việc đánh giá tài sản, các khoản dự phòng và công nợ tiềm tàng, và đồng thời sử dụng các ước tính và xét đoán đối với các vấn đề khác nhau, dựa trên các thông tin tin cậy nhất có được đến ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này.

Cấu trúc tập đoàn

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	72,22%	72,22%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	50,97%	50,97%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Quảng Ngãi	48,62%	52,56%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng
Công ty CP Dầu khí Đông Đô	Hà Nội	34,87%	34,87%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí	Cá Mau	53,44%	53,44%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
Công ty CP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản

Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn 50% tại Công ty CP Dầu khí Đông Đô nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, cũng như giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo đó, Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô được xác định là công ty con của Tổng Công ty.

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích của những chủ sở hữu không nắm quyền kiểm soát trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con.

2.4 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Nếu Tổng Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua sẽ được xác định là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua do công ty mẹ nắm giữ (thời điểm công ty mẹ nắm giữ quyền kiểm soát công ty con). Lãi mua sẽ (nếu có) sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là 10 năm. Định kỳ, Tổng Công ty sẽ đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong năm phát sinh.

2.7 Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết".

Trong báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết từ sau ngày đầu tư đến đầu kỳ báo cáo, Tổng Công ty thực hiện như sau:

- Đối với phần điều chỉnh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của các kỳ trước, Tổng Công ty thực hiện điều chỉnh vào Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần đến đầu kỳ báo cáo.
- Đối với phần điều chỉnh do chênh lệch đánh giá lại tài sản và chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán của các kỳ trước, Tổng Công ty xác định điều chỉnh vào các khoản mục tương ứng trên Bảng cân đối kế toán theo số đã điều chỉnh lũy kế thuần.

Đối với việc điều chỉnh giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết phát sinh trong kỳ, Tổng Công ty thực hiện loại trừ phần cổ tức ưu đãi của các cổ đông khác (nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu); số dự kiến trích quỹ khen thưởng, phúc lợi công ty liên doanh, liên kết; phần lãi liên quan tới giao dịch công ty liên doanh, liên kết góp vốn hoặc bán tài sản cho Tổng Công ty trước khi xác định phần sở hữu của Tổng Công ty trong lợi nhuận hoặc lỗ của công ty liên doanh, liên kết kỳ báo cáo. Sau đó Tổng Công ty thực hiện điều chỉnh giá trị khoản đầu tư tương ứng với phần sở hữu trong lãi, lỗ của công ty liên doanh, liên kết và ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh thích hợp đã được ghi nhận để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng;
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được Tổng Công ty căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 48 năm
- Máy móc, thiết bị	3 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
- Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
- Quyền sử dụng đất	Theo thời hạn thuê đất
- Phần mềm quản lý	3 - 5 năm

2.11 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, trước ngày 01/01/2015 được tính trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng tương tự như các tài sản khác, kể từ ngày 01/01/2015 không thực hiện trích khấu hao.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 - 38 năm
--------------------------	-------------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

2.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí cho các chuyên gia và đối với các tài sản đủ điều kiện, chi phí đi vay được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Trường hợp nhận tiền, tài sản của các bên khác đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được kế toán là nợ phải trả. Trường hợp đưa tiền, tài sản đi đóng góp cho hoạt động hợp tác kinh doanh (BCC) được ghi nhận là nợ phải thu. Trong quá trình thực hiện hoạt động BCC, các BCC của Tổng Công ty là BCC theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát, kế toán tiếp tục thực hiện:

Các bên tham gia liên doanh cũng mở sổ kế toán để ghi chép và phản ánh trong báo cáo tài chính của mình các nội dung sau đây:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Chi phí phải gánh chịu.

Các bên thực hiện phân chia doanh thu từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh, phân chia chi phí chung theo các thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh.

2.15 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất;
- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê;
- Chi phí thuê hạ tầng bãi cảng Sao Mai Bến Đình được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian thuê (49 năm) từ ngày 16 tháng 9 năm 2010.

2.16 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.17 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.18 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí thi công công trình, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

2.21 Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.22 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc

phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp được pháp luật cho phép bán ra ngay sau khi mua lại hoặc xử lý số dư cổ phiếu quỹ đã mua trước ngày 01/01/2021.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.23 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

2.24 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.25 Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.26 Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai (do việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tổng Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.27 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.28 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29 Thông tin bộ phận

Do Tổng Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam nên Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	3.827.669.003	3.188.341.515
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	370.616.838.390	115.893.967.069
Các khoản tương đương tiền (i)	187.188.169.190	270.482.922.619
	<u>561.632.676.583</u>	<u>389.565.231.203</u>

(i) Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng có giá trị 187.188.169.190 VND được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3%/năm đến 6%/năm.

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12/2022 bao gồm khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc 45,3 tỷ VND gửi tại Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Vũng Tàu đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Khoản tiền này sẽ được chi trả khi có chỉ đạo từ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất.

4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022		01/01/2022 (đã điều chỉnh)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	270.329.315.068	-	290.612.744.812	-
	<u>270.329.315.068</u>	<u>-</u>	<u>290.612.744.812</u>	<u>-</u>

(i) Tại ngày 31/12/2022, các đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến dưới 12 tháng có giá trị 270.329.315.068 VND được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 5,4%/năm đến 7,3%/năm.

Trong đó: Các khoản tiền với giá trị là 205.240.000.000 VND đang được cầm cố cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Đông (Xem thuyết minh 24).

b) Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2022			01/01/2022		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Tổng giá trị cổ phiếu	14.900.000.000	-	(13.885.000.000)	14.900.000.000	-	(13.885.000.000)
- Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	14.600.000.000		(13.885.000.000)	14.600.000.000		(13.885.000.000)
- Khác	300.000.000		-	300.000.000		-
	14.900.000.000	-	(13.885.000.000)	14.900.000.000	-	(13.885.000.000)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

c) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	Mã CK	Địa chỉ	31/12/2022			01/01/2022		
			Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
			%	%		%	%	
Đầu tư vào Công ty liên kết								
- Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC		Hà Nội	44,00%	44,00%	-	44,00%	44,00%	-
- Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	PID	Hà Nội	49,98%	49,98%	-	49,98%	49,98%	-
- Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	PVA	Nghệ An	22,64%	22,64%	-	22,64%	22,64%	-
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	PSG	Thành phố Hồ Chí Minh	24,72%	24,72%	-	24,72%	24,72%	-
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải		Hải Phòng	42,46%	42,46%	32.169.600.281	42,46%	42,46%	32.169.600.281
- Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (i)		Hà Nội	97,22%	35,05%	1.699.762.496	97,22%	35,05%	1.699.762.496
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)		Hà Nội	35,83%	35,83%	-	35,83%	35,83%	-
- Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí		Hà Nội	40,00%	40,00%	-	40,00%	40,00%	-
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	PVH	Thanh Hóa	36,00%	36,00%	-	36,00%	36,00%	-
- Công ty CP Khách sạn Lam Kinh		Thanh Hóa	35,01%	43,16%	-	35,01%	43,16%	-
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	PXM	Đà Nẵng	48,27%	48,27%	-	48,27%	48,27%	-
					33.869.362.777			33.869.362.777

(i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link) tại ngày 31/12/2022 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 35%, đồng thời, Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết.

Tại ngày 31/12/2022, giá trị các khoản đầu tư vào công ty liên kết được Tổng Công ty đánh giá giá theo phương pháp vốn chủ sở hữu trên cơ sở Báo cáo tài chính của các đơn vị thu thập được tại thời điểm gần nhất.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và công ty liên doanh, liên kết trong năm: Chi tiết xem tại Thuyết minh 42.

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022			Tỷ lệ quyền biểu quyết	01/01/2022		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng		Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND		VND	VND	VND
Đầu tư vào đơn vị khác							
- Công ty CP Xi măng Hạ Long (ii)	147.300.000.000		(147.300.000.000)	7,58%	147.300.000.000		(147.300.000.000)
- Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (ii)	23.500.000.000		(11.288.806.120)	15,67%	23.500.000.000		(11.288.806.120)
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam (ii)	12.500.000.000		(1.488.246.800)	2,50%	12.500.000.000		(1.488.246.800)
- Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn (ii)	3.000.000.000		-	3,99%	3.000.000.000		-
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2 (ii)	2.795.000.000		-	5,00%	2.795.000.000		-
- Công ty CP Vật liệu xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (ii)	2.500.000.000		-	10,00%	2.500.000.000		-
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C (ii)	5.400.000.000		(5.400.000.000)	7,25%	5.400.000.000		(5.400.000.000)
- Các khoản đầu tư dài hạn khác (ii)	9.318.000.000		(4.221.556.070)		6.318.000.000		(1.221.556.070)
	206.313.000.000	-	(169.698.608.990)		203.313.000.000	-	(166.698.608.990)

(ii) Tại ngày 31/12/2022, Tổng Công ty có một số khoản đầu tư vào các công ty với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng của các khoản đầu tư này lần lượt là 206,31 tỷ VND và khoảng 169,698 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: khoảng 56,01 tỷ VND và khoảng 18,18 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và năm 2021 của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư trên. Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

Tại ngày 31/12/2022, Tổng Công ty không thu thập được Báo cáo tài chính của các khoản đầu tư khác, do đó dự phòng đầu tư tài chính đang được trích theo báo cáo tài chính các năm trước của các Công ty này.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác

Thông tin chi tiết về các công ty đầu tư dài hạn khác của Công ty vào ngày 31/12/2022 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Xi măng Hạ	Quảng Ninh	7,580%	7,580%	Sản xuất vật liệu xây dựng
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	Bắc Ninh	15,67%	15,67%	Xây lắp
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	Hà Nội	2,50%	2,50%	Xây lắp
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	Quảng Bình	3,99%	3,99%	Xây lắp
Công ty CP Xây lắp Dầu khí	Nam Định	5,00%	5,00%	Xây lắp
Công ty CP Vật liệu xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4	Hà Nội	10,00%	10,00%	Xây lắp
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Dầu khí - 3C	Hà Nội	7,25%	7,25%	Xây lắp

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	1.529.249.371.723	(172.640.881.092)	1.754.975.067.797	(180.508.260.076)
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN)	5.546.942.139	(4.011.796.202)	5.546.942.139	(4.011.796.202)
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	1.204.629.943.300	-	1.412.099.187.865	-
Viện Dầu khí Việt Nam	32.854.230.083	(747.531.048)	50.185.085.204	(747.531.048)
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	49.889.130.241	-	50.006.358.426	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	91.683.988.145	(91.665.699.713)	91.998.195.450	(91.979.907.018)
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	23.293.447.505	(23.291.878.505)	23.293.447.505	(23.291.878.505)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.858.853.155	(27.158.853.155)	27.858.853.155	(27.158.853.155)
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	6.097.621.800	(1.518.493.750)	6.097.621.800	(1.518.493.750)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	16.811.955	-	16.811.955	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	48.467.434.602	(13.900.997.283)	57.550.476.853	(21.454.168.962)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	1.487.184.270	-	1.226.922.322	-
Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	4.315.066	-	2.308.500	-
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Dầu khí	532.785.009	(532.785.009)	532.785.009	(532.785.009)
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	9.446.793.927	(9.446.793.927)	9.446.793.927	(9.446.793.927)
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí	15.500.000.000	-	15.500.000.000	-
Công ty CP Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	366.052.500	(366.052.500)	366.052.500	(366.052.500)
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	9.573.838.024	-	1.247.225.185	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	2.000.000.002	-	2.000.000.002	-
Bên khác	519.323.569.669	(121.505.144.795)	584.700.480.325	(118.177.772.040)
Công ty TNHH Hóa dầu Long Sơn	-	-	130.681.828.481	-
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	108.613.094.137	-	129.917.806.398	-
Các đối tượng khác	410.510.475.532	(121.505.144.795)	324.100.845.446	(118.177.772.040)
	2.048.572.941.392	(294.146.025.887)	2.339.675.548.122	(298.686.032.116)

6 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Bên liên quan	248.175.290.279	(195.293.398.227)	248.175.290.279	(195.293.398.227)
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	54.324.395.257	(47.905.728.732)	54.324.395.257	(47.905.728.732)
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	229.674.800	(160.772.360)	229.674.800	(160.772.360)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	(108.864.918.776)	108.864.918.776	(108.864.918.776)
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	12.377.571.689	(11.617.459.964)	12.377.571.689	(11.617.459.964)
Công ty CP Trang trí nội thất Dầu Khí	3.418.342.062	-	3.418.342.062	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	26.744.518.395	(26.744.518.395)	26.744.518.395	(26.744.518.395)
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển công nghiệp tàu thủy phía Nam	42.215.869.300	-	42.215.869.300	-
Bên khác	335.103.994.248	(139.003.459.397)	271.510.307.983	(138.969.459.392)
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	113.386.879.741	(17.856.157.637)	113.386.879.741	(17.856.157.637)
Các đối tượng khác	221.717.114.507	(121.147.301.760)	158.123.428.242	(121.113.301.755)
	583.279.284.527	(334.296.857.624)	519.685.598.262	(334.262.857.619)
b) Dài hạn				
Bên khác	12.485.376.511	(12.185.768.058)	18.643.352.360	(12.886.768.058)
Các đối tượng khác	12.485.376.511	(12.185.768.058)	18.643.352.360	(12.886.768.058)
	12.485.376.511	(12.185.768.058)	18.643.352.360	(12.886.768.058)



7 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2022		Trong năm		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan						
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh (i)	200.000.000.000	(124.356.150.003)	-	-	200.000.000.000	(124.356.150.003)
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (i)	128.357.292.532	(128.357.292.532)	-	12.253.410.721	140.610.703.253	(140.610.703.253)
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (i)	16.922.614.402	(5.461.481.792)	-	2.958.665.954	19.881.280.356	(8.420.147.746)
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	(10.997.669.735)	-	-	10.997.669.735	(10.997.669.735)
	356.277.576.669	(269.172.594.062)	-	15.212.076.675	371.489.653.344	(284.384.670.737)

(i) Các khoản phải thu về cho vay bao gồm:

- Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HDTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - OceanBank) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần;
- Số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/11DTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 ký với OceanBank để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh ("Khách sạn Lam Kinh") vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh.

Theo Công văn số 7697/2014/CV - Oceanbank ngày 09/12/2014 của Oceanbank, thời điểm thanh toán các khoản vay nêu trên sau khi được gia hạn là ngày 31/12/2017. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty đang làm việc với các bên liên quan để gia hạn thời gian thanh toán các khoản vay OceanBank. Tổng Công ty cũng đang làm việc với các công ty nêu trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để có nguồn thanh toán các khoản vay OceanBank, nhằm tăng cường khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

8 PHẢI THU KHÁC	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi	1.509.803.315	-	137.901.717	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	10.658.775.000	(10.658.775.000)	11.258.775.000	(11.258.775.000)
Phải thu về tạm ứng	32.027.812.876	(1.575.197.044)	17.611.280.695	(1.109.712.022)
Ký cược, ký quỹ	3.354.953.304	-	25.178.984.454	-
Phải thu khác	330.841.381.771	(191.030.539.348)	335.283.982.575	(198.885.304.765)
- Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	98.342.190.862	(28.298.568.215)	93.618.584.282	(28.537.961.548)
- Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	42.770.314.825	(42.328.848.975)	42.770.314.825	(42.328.848.975)
- Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	26.414.393.577	(26.414.393.577)	26.414.393.577	(26.414.393.577)
- Phải thu các đối xây	16.819.381.673	(16.819.381.673)	16.819.381.673	(16.819.381.673)
- Quỹ Khen thưởng phúc lợi trích thừa	4.917.824.644	(4.917.824.644)	4.917.824.644	(4.917.824.644)
- Các đối tượng khác	141.577.276.190	(72.251.522.264)	150.743.483.574	(79.866.894.348)
	378.392.726.266	(203.264.511.392)	389.470.924.441	(211.253.791.787)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	24.347.536.322	-	10.164.674.698	-
Phải thu khác	9.213.461.725	(9.213.461.725)	11.673.461.725	(11.613.461.725)
- Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	9.213.461.725	(9.213.461.725)	11.613.461.725	(11.613.461.725)
- Các khoản khác	-	-	60.000.000	-
	33.560.998.047	(9.213.461.725)	21.838.136.423	(11.613.461.725)
c) Trong đó: Bên liên quan				
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	30.967.883.260	(62.118.449)	28.671.529.009	(62.118.449)
- Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	41.955.665.851	(6.138.310.290)	38.622.590.619	(6.138.310.290)
- Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	6.840.056.555	(4.742.067.735)	6.840.056.555	(4.742.067.735)
- Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	5.360.238.712	(3.899.613.813)	5.360.238.712	(3.899.613.813)
- Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	-	-	600.000.000	(600.000.000)
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	20.507.270.308	(8.125.138.911)	20.595.816.249	(8.125.138.911)
- Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	1.859.877.376	-	1.527.989.642	-
- Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN)	2.469.138.586	(2.008.154.052)	2.778.556.600	(2.008.154.052)
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	955.614.239	-	731.314.239	-
- Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	265.370.827	-	265.370.827	-
- Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.795.218.993	(28.795.218.993)	28.795.218.993	(28.795.218.993)
- Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	1.669.212.234	-	1.669.212.234	-
	141.645.546.941	(53.770.622.243)	136.457.893.679	(54.370.622.243)

(i) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là khoản tiền ngân hàng đã khấu trừ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (Xem thuyết minh số 40).

9 NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng không có khả năng thu hồi:

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể	Giá gốc	Giá trị có thể
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	206.138.310.290	75.643.849.997	206.138.310.290	75.643.849.997
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	208.674.045.832	-	208.969.964.705	-
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	155.516.145.687	-	167.769.556.408	-
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	42.875.884.022	12.249.841.663	67.741.628.426	26.249.851.754
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	75.739.518.828	41.510.769	75.939.674.972	41.510.769
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	55.539.737.388	-	55.539.737.388	-
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	46.748.000.242	-	46.748.000.242	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cảng và Hạ tầng Việt Nam	59.191.781.536	6.714.619.343	60.650.027.477	6.714.619.343
Ngân hàng Thương mại TNHH Một thành viên Đại Dương	42.328.848.975	-	42.328.848.975	-
Công ty CP Vinaconex 39	35.925.998.583	1.057.959.818	34.868.038.765	1.157.116.118
Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Trường Sơn	30.495.449.099	100.965.000	30.495.449.099	100.965.000
Công ty CP Xây lắp Dầu khí 2	26.176.673.819	-	26.176.673.819	-
Công ty CP Hasky	9.300.000.000	-	18.600.000.000	2.760.000.000
Công ty CP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí	23.575.990.000	-	23.575.990.000	-
Công ty CP Phát triển Đầu tư Thái sơn	21.759.494.013	-	21.759.494.013	-
Công ty CP Đầu tư và Khoáng sản Hợp Thành	9.213.461.725	-	11.613.461.725	-
Đối tượng khác	199.328.183.249	30.439.557.950	179.897.547.224	12.848.200.350
	1.248.527.523.288	126.248.304.540	1.278.612.403.528	125.516.113.331

10 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	9.466.242.497	(2.895.561.226)	13.031.645.404	(2.415.127.943)
Công cụ, dụng cụ	4.811.707.179	(126.922.432)	5.773.244.583	(126.922.432)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (i)	2.010.806.910.006	(137.538.417.998)	1.780.048.409.466	(131.363.428.170)
Hàng hoá (ii)	81.903.994.339	(21.904.436.728)	76.908.695.091	(21.904.436.728)
	2.106.988.854.021	(162.465.338.384)	1.875.761.994.544	(155.809.915.273)

(i) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	1.347.940.268.086	1.193.803.057.666
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (*)	245.057.868.468	245.057.868.468
Chung cư 33A, đường 30/4, thành phố Vũng Tàu	33.241.702.671	33.416.632.253
Công trình Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	109.036.396.783	125.201.374.004
Dự án Hóa dầu Long Sơn	136.520.427.495	137.716.556.924
Các công trình khác	139.010.246.503	44.852.920.151
	<u>2.010.806.910.006</u>	<u>1.780.048.409.466</u>

(*) Công trình này Tổng Công ty là nhà thầu phụ của tổng thầu EPC. Như trình bày tại Thuyết minh số 40 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị Chủ đầu tư, Tổng thầu và các cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lương hết của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể liên quan đến vấn đề này.

(ii) Giá trị hàng hóa tồn kho tại 01/01/2022 và 31/12/2022 bao gồm các căn hộ thuộc dự án chung cư khách sạn Dầu khí Thái Bình có giá trị 36.302.881.834 VND do Công ty CP Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình là chủ đầu tư. Tổng Công ty chưa đánh giá được sự suy giảm giá trị cũng như chưa ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của các bất động sản này và quyết định không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tương ứng.

11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất đúng	1.484.504.313	368.846.969
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.970.800.099	1.111.372.723
	<u>4.435.304.412</u>	<u>1.480.219.692</u>
b) Dài hạn		
Chi phí hạ tầng cho thuê tại cảng Sao Mai Bến Đình	82.128.431.700	84.220.991.796
Chi phí thuê văn phòng	9.429.571.835	9.387.449.665
Công cụ dụng cụ xuất đúng	9.747.276.803	7.210.756.921
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.673.317.090	1.235.188.610
	<u>103.978.597.428</u>	<u>102.054.386.992</u>

12 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	1.144.468.605.319	339.257.515.760	121.514.180.917	31.820.163.068	1.637.060.465.064
- Mua trong năm	11.145.424.390	2.395.100.889	-	140.976.384	13.681.501.643
- Đầu tư XDCB hoàn thành	65.831.818	-	-	-	65.831.818
- Thanh lý, nhượng bán	(9.652.042.001)	(5.185.088.206)	(922.929.091)	(2.817.515.290)	(18.577.574.588)
- Giảm khác	-	-	-	(14.200.000)	(14.200.000)
Số dư cuối năm	1.146.027.819.526	336.467.528.443	120.591.251.826	29.129.424.142	1.632.216.023.937
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	387.417.612.415	286.485.591.874	119.000.533.112	31.352.800.695	824.256.538.096
- Khấu hao trong năm	27.633.829.038	14.329.553.072	1.545.128.730	236.419.087	43.744.929.927
- Thanh lý, nhượng bán	(7.705.647.588)	(5.185.088.206)	(818.938.663)	(2.817.515.290)	(16.527.189.747)
- Giảm khác	-	-	-	(14.200.000)	(14.200.000)
Số dư cuối năm	407.345.793.865	295.630.056.740	119.726.723.179	28.757.504.492	851.460.078.276
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	757.050.992.904	52.771.923.886	2.513.647.805	467.362.373	812.803.926.968
Tại ngày cuối năm	738.682.025.661	40.837.471.703	864.528.647	371.919.650	780.755.945.661

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2022 là 350.281.260.846 VND.
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 384.970.486.236 VND.

13 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (i) VND	Phần mềm quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	269.334.148.344	19.571.292.382	288.905.440.726
Số dư cuối năm	269.334.148.344	19.571.292.382	288.905.440.726
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	8.480.647.748	19.135.896.753	27.616.544.501
- Khấu hao trong năm	1.135.574.919	170.196.000	1.305.770.919
Số dư cuối năm	9.616.222.667	19.306.092.753	28.922.315.420
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	260.853.500.596	435.395.629	261.288.896.225
Tại ngày cuối năm	259.717.925.677	265.199.629	259.983.125.306

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 18.682.515.582 VND.

(i) Bao gồm trong đó giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 04, tờ bản đồ số 10, địa chỉ tại số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu của Công ty CP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí được UBND tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28 tháng 07 năm 2008 với nguyên giá 15.166.470.000 VND và giá trị còn lại tại 31/12/2022 là 9.505.803.901 VND. Khu đất này được đầu tư xây dựng dự án Khu phức hợp Chung cư cao ốc - Văn phòng và đã được bán giao đưa vào sử dụng vào năm 2014. Vào ngày 24/08/2017, thửa đất này đã được Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thu hồi để cấp mới cho tài sản trên đất là các căn hộ chung cư và khối văn phòng. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BX 920280 và Giấy chứng nhận theo hồ sơ số 000038.TS, Công ty có quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất là tầng 1, tầng 2, tầng 3, tầng 4, tầng 5, tầng kỹ thuật và tầng kỹ thuật mái thuộc Khu phức hợp Chung cư cao ốc - Văn phòng tại thửa đất số 02 Nguyễn Hữu Cảnh, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Giá trị tài sản là phần diện tích khu văn phòng cho thuê nêu trên đang được Công ty trình bày trên khoản mục tài sản cố định hữu hình với giá trị là 15.166.470.000 VND và bất động sản đầu tư với giá trị là 37.885.895.556 VND.

14 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ CHO THUÊ

	Nhà VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	108.717.372.483	108.717.372.483
Số dư cuối năm	108.717.372.483	108.717.372.483
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	25.209.692.433	25.209.692.433
- Khấu hao trong năm	2.205.947.985	2.205.947.985
Số dư cuối năm	27.415.640.418	27.415.640.418
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	83.507.680.050	83.507.680.050
Tại ngày cuối năm	81.301.732.065	81.301.732.065

Giá trị còn lại cuối năm của BĐS đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 70.299.807.229 VND.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2022. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên số tại ngày kết thúc năm tài chính.

15 TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
- Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1 (i)	25.781.820.546	12.890.910.273	25.781.820.546	12.890.910.273
- Dự án nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
- Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	12.180.083.636	800.000.000	12.180.083.636	800.000.000
- Các công trình khác	7.922.605.745	2.210.996.386	7.922.605.745	2.210.996.386
	71.643.835.139	25.064.213.539	71.643.835.139	25.064.213.539

(i) Theo Công văn số 1828/TTg - KTN ngày 15/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số dự án nhà máy nhiệt điện trong các Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và Quỳnh Lập, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ thay thế Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan để nghiệm thu, quyết toán các chi phí của Tổng Công ty đã thi công tại công trình này.

b) Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Mua sắm		
- Mua sắm khác	-	10.095.424.390
Xây dựng cơ bản	112.195.172.727	110.495.251.727
- Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp (ii)	103.182.526.261	103.182.526.261
- Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí (iii)	3.883.984.985	3.883.984.985
- Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang (iii)	1.835.100.923	1.835.100.923
- Các công trình, dự án khác (iii)	3.293.560.558	1.593.639.558
	112.195.172.727	120.590.676.117

(ii) Đây là chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (viết tắt là "dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12/08/2010 của Hội đồng Thành viên PVN.

Ngày 22/08/2016, Bộ Tài chính đã có văn bản số 11704/BTC-TCĐN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao dự án trên từ PVN về UBND tỉnh Tiền Giang.

Theo biên bản số 1421/BB-SKH&ĐT ngày 31/07/2017 của Tổ tiếp nhận Dự án giữa UBND tỉnh Tiền Giang, các bên thống nhất ghi nhận giá trị của dự án trong giai đoạn Tổng Công ty thực hiện là 143 tỷ VND.

Ngày 01/10/2018, Tổng Công ty đã ký biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang, bàn giao lại khu đất và các tài sản gắn liền trên khu đất cho cơ quan này.

Ngày 28/02/2019, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 1630/VPCP-CN chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương, Ủy ban quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp hướng dẫn UBND tỉnh Tiền Giang và chủ đầu tư dự án, thanh toán chi phí đã đầu

tư cho chủ đầu tư do việc thu hồi đất dự án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, không để thất thoát tài sản nhà nước và đảm bảo quyền lợi của chủ đầu tư.

Qua nhiều lần chỉ đạo của Chính phủ, các Bộ vẫn chưa có phương án chính thức giải quyết và hướng dẫn hoàn trả kinh phí Tổng Công ty đã đầu tư vào dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Ngày 29/03/2021, Tổng công ty đã có văn bản số 426/XLDK-KHĐT&TCC về việc xin tiếp tục giao làm Chủ đầu tư Dự án KCN Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06/08/2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục gửi Văn bản số 5183/BKHĐT-QLKKT kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao UBND Tỉnh Tiền Giang xử lý dứt điểm các vấn đề liên quan đến Dự án trong năm 2021 theo thẩm quyền và quy định của Pháp luật.

Ngày 15/02/2022, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 964/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành giao Bộ tài nguyên và Môi trường có ý kiến cụ thể về việc tuân thủ trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật trong việc thu hồi đất dự án của UBND tỉnh Tiền Giang, làm cơ sở xem xét việc Tổng công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Việt Nam có được bồi thường tài sản trên đất dự án hay không.

Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, quá trình chuyển giao dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án hoặc sẽ được giao lại dự án để triển khai.

(iii) Các dự án đã tạm dừng thi công nhiều năm trước, Ban Tổng Giám đốc chưa đánh giá được khả năng mang lại lợi ích kinh tế tương lai của các dự án này.

16 TÀI SẢN KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Tài sản ngắn hạn khác	-	3.000.000.000
	<u>-</u>	<u>3.000.000.000</u>
b) Dài hạn		
Góp vốn hợp tác đầu tư Dự án Dolphin Plaza (i)	27.233.304.440	37.100.539.734
Góp vốn hợp tác Dự án Long Sơn Riverside	12.897.200.000	12.897.200.000
	<u>40.130.504.440</u>	<u>49.997.739.734</u>

(i) Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD ngày 02 tháng 11 năm 2010 ký giữa Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô - công ty con của Tổng Công ty), Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần TID với tổng giá trị vốn góp khoảng 51,1 tỷ VND. Theo nội dung Hợp đồng, ba bên thỏa thuận cùng đầu tư vốn để thực hiện Dự án "Tổ hợp nhà ở kết hợp dịch vụ siêu thị và văn phòng làm việc tại số 28 đường Trần Bình, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội". Tại ngày 18 tháng 01 năm 2015, PVC-Đông Đô đã ký kết Phụ lục số 03 của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD ngày 02 tháng 11 năm 2010 với Công ty Cổ phần TID để rút một phần vốn đã góp với giá trị khoảng 14 tỷ VND khỏi dự án. Tỷ lệ tham gia góp vốn của PVC-Đông Đô vào dự án này sau khi rút một phần vốn giảm từ 19% xuống còn 1,6%. Theo Phụ lục số 04 của Hợp đồng chuyển nhượng diện tích khu dịch vụ thương mại số DP308/HĐ/TID-PVFCLAND ký ngày 18 tháng 01 năm 2017, PVC-Đông Đô đã nhận chuyển nhượng diện tích khu dịch vụ thương mại có diện tích 154 m² trị giá khoảng 3,5 tỷ VND từ Công ty Cổ phần TID và được quyền thanh toán số tiền này bằng việc bù trừ công nợ với Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD ngày 02 tháng 11 năm 2010. Ngày 23/12/2022, Công ty đã nhận 3 căn hộ trị giá 9.867.235.294 VND theo biên bản thỏa thuận về xử lý nghĩa vụ thanh toán số 5010-3/2022/ĐĐ-HP-TID, 5000-3/2022/ĐĐ-HP-TID và 4990-1/2022/ĐĐ-HP-TID ngày 23/12/2022. Giá trị 3 căn hộ này được thanh toán bằng hình thức bù trừ công nợ với Hợp đồng hợp tác kinh doanh ban đầu. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Dự án Dolphin Plaza chưa bán được hết các căn

hộ và quyết toán để phân chia kết quả đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký kết. Báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

17 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	82.778.475.899	82.778.475.899
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899
<i>Bên khác</i>	110.105.803.889	107.335.905.142
Ban Quản lý Dự án Trường Đại học Dầu khí	17.612.939.300	17.612.939.300
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	50.009.054.320	50.009.054.320
Các đối tượng khác	42.483.810.269	39.713.911.522
	<u>192.884.279.788</u>	<u>190.114.381.041</u>

18 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	365.353.195.711	365.353.195.711	415.418.483.266	415.418.483.266
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	-	-	10.225.602.174	10.225.602.174
Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	9.868.980	9.868.980	249.692.541	249.692.541
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	11.660.000	11.660.000	3.947.951.289	3.947.951.289
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	8.829.246.507	8.829.246.507	33.857.091.676	33.857.091.676
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN)	177.049.565.265	177.049.565.265	177.049.565.265	177.049.565.265
Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) (i)	115.973.338.811	115.973.338.811	115.973.338.811	115.973.338.811
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	61.149.700.035	61.149.700.035	58.374.311.377	58.374.311.377
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	223.766.591	223.766.591	15.553.622.314	15.553.622.314
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	2.106.049.522	2.106.049.522	-	-
Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	-	-	187.307.819	187.307.819
Bên khác	2.960.799.981.989	2.960.799.981.989	2.725.133.745.564	2.725.133.745.564
Công ty Công nghiệp Daelim	952.693.445.386	952.693.445.386	920.815.024.388	920.815.024.388
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	367.417.252.017	367.417.252.017	481.825.479.593	481.825.479.593
Tập đoàn Sojitz	135.609.626.210	135.609.626.210	129.431.850.559	129.431.850.559
Công ty TNHH Boilermaster Việt Nam	122.612.404.794	122.612.404.794	99.995.517.340	99.995.517.340
Tổng Công ty Ba Sơn - Công ty TNHH MTV	60.978.955.914	60.978.955.914	65.978.955.914	65.978.955.914
Các đối tượng khác	1.321.488.297.668	1.321.488.297.668	1.027.086.917.770	1.027.086.917.770
	3.326.153.177.700	3.326.153.177.700	3.140.552.228.830	3.140.552.228.830
Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Phải trả cho các đối tượng khác	202.041.116.656	202.041.116.656	104.493.093.154	104.493.093.154
	202.041.116.656	202.041.116.656	104.493.093.154	104.493.093.154

(i) Số tiền Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty) phải trả PVEP liên quan đến việc PVC Thái Bình nhận chuyển nhượng Dự án đầu tư xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình từ PVEP (trình bày tại Thuyết minh số 39).

19 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	30.465.765	89.819.087.870	19.049.028.283	42.166.085.987	30.465.765	66.702.030.166
Thuế xuất, nhập khẩu	19.254.703	-	20.865.790	20.865.790	19.254.703	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	35.159.363.246	5.037.290.046	2.947.080.018	782.987.045	35.244.408.046	7.286.427.819
Thuế thu nhập cá nhân	87.028.865	4.263.001.722	5.598.123.270	4.964.768.277	58.893.293	4.868.221.143
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	8.588.452.976	9.284.362.838	6.591.125.634	-	11.281.690.180
Các loại thuế khác	-	6.323.564.509	17.450.137.743	19.476.483.832	-	4.297.218.420
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	783.720	32.018.015.970	2.848.076.232	3.328.745.123	783.720	31.537.347.079
	<u>35.296.896.299</u>	<u>146.049.413.093</u>	<u>57.197.674.174</u>	<u>77.331.061.688</u>	<u>35.353.805.527</u>	<u>125.972.934.807</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

20 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	145.768.522.939	126.886.957.199
Trích trước chi phí công trình xây lắp	448.371.519.200	455.702.946.923
Chi phí phải trả khác	15.151.297.262	5.497.313.021
	<u>609.291.339.401</u>	<u>588.087.217.143</u>
b) Dài hạn		
Trích trước chi phí công trình xây lắp	71.389.452.285	72.686.317.725
	<u>71.389.452.285</u>	<u>72.686.317.725</u>

21 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	2.903.820.933	2.339.391.620
	<u>2.903.820.933</u>	<u>2.339.391.620</u>
b) Dài hạn		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản (i)	53.527.935.149	54.975.776.701
Lãi bán tài sản và thuê lại thuê tài chính	391.940.504	488.285.120
	<u>53.919.875.653</u>	<u>55.464.061.821</u>

(i) Trong đó bao gồm: 42.996.289.426 VND là số dư tiền thuê đất nhận trước của Công ty cổ phần Sản xuất ống thép Dầu khí Việt Nam theo Hợp đồng 01/HĐTĐ/PVPIPE-PVC ngày 01/11/2012 với thời gian thuê 588 tháng với giá trị hợp đồng là 46.818.181.818 VND tại Khu Công nghiệp Soài Rạp - Tiền Giang. Tổng Công ty đã phân bổ tiền thuê đến tháng 12 năm 2014 vào doanh thu với số tiền là 3.821.892.393 VND. Sau tháng 12 năm 2014 dự án có chủ trương bán giao về cho UBND tỉnh Tiền Giang đến nay vẫn chưa hoàn thành (xem thuyết minh số 15) do đó Tổng Công ty vẫn chưa làm việc lại với khách hàng về số dư tiền thuê đất còn lại nêu trên.

22 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	17.130.137	17.130.137
Kinh phí công đoàn	10.544.546.393	5.114.549.419
Bảo hiểm xã hội	10.383.067.010	10.000.553.595
Bảo hiểm y tế	1.699.347.573	1.597.244.789
Bảo hiểm thất nghiệp	832.477.637	595.678.198
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.137.275.182	1.315.311.546
Cổ tức lợi nhuận phải trả	41.546.662.078	45.464.501.456
Các khoản phải trả, phải nộp khác	509.807.025.135	515.880.602.221
- Chi phí lãi vay	4.021.425.275	4.884.181.127
- Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	137.942.779.492	137.942.779.492
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (ii)	152.399.613.457	142.089.980.808
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (iii)	54.098.464.510	54.098.464.510
- Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP (iv)	50.000.000.000	50.000.000.000
- Phí bảo trì chung cư phải trả	12.988.963.930	13.357.070.275
- Các quỹ ủng hộ	3.954.284.784	2.710.465.999
- Các khoản khác	94.401.493.687	110.797.660.010
	575.967.531.145	579.985.571.361
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.628.790.587	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	59.798.049	1.421.588.636
	1.688.588.636	1.421.588.636
c) Trong đó: Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Bảo hiểm xã hội	5.968.030.599	6.443.267.569
- Bảo hiểm y tế	884.199.511	691.259.201
- Bảo hiểm thất nghiệp	271.012.442	210.956.866
- Cổ tức phải trả	45.418.243.801	45.464.501.456
- Phải trả các Quỹ ủng hộ, Quỹ tương trợ dầu khí	1.334.818.785	1.334.818.785
	53.876.305.138	54.144.803.877
d) Trong đó: Bên liên quan		
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	54.098.464.510	54.098.464.510
- Tổng Công ty Khí Việt Nam - CTCP	50.000.000.000	50.000.000.000
- Ban Quản lý dự án Cụm khí - điện - đạm Cà Mau	8.697.686.626	8.697.686.626
	112.796.151.136	112.796.151.136

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dự dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh như trình bày tại Thuyết minh số 39.

(ii) Lãi vay phải trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương bao gồm chi phí lãi vay của Tổng công ty và chi phí lãi vay mà Tổng công ty sẽ thu lại từ các công ty mà Tổng công ty đã thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (trình bày tại Thuyết minh số 8) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán của các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống còn 1%/ năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 23. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty đang tìm kiếm các giải pháp để thanh toán cho khoản phải trả lãi vay đã vay đã quá hạn.

(iii) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam là số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.

(iv) Khoản phải trả Tổng Công ty Khí Việt Nam – CTCP liên quan đến việc chuyển đổi chủ đầu tư cho Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí (công ty con của Tổng Công ty) tại dự án Bạc Liêu Tower. Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí có nghĩa vụ phải thanh toán cho Tổng Công ty Khí Việt Nam số tiền này theo hợp đồng ký ngày 12 tháng 8 năm 2010.

23 VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2022		Trong năm		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn	233.708.980.198	233.708.980.198	402.179.809.523	453.154.032.318	182.734.757.403	182.734.757.403
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	623.002.968.174	623.002.968.174	11.729.990.088	16.408.196.127	618.324.762.135	618.324.762.135
	856.711.948.372	856.711.948.372	413.909.799.611	469.562.228.445	801.059.519.538	801.059.519.538
b) Vay dài hạn						
Vay dài hạn	685.420.368.174	685.420.368.174	-	16.486.806.039	668.933.562.135	668.933.562.135
	685.420.368.174	685.420.368.174	-	16.486.806.039	668.933.562.135	668.933.562.135
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(623.002.968.174)	(623.002.968.174)	(11.729.990.088)	(16.408.196.127)	(618.324.762.135)	(618.324.762.135)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	62.417.400.000	62.417.400.000			50.608.800.000	50.608.800.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và nợ dài hạn đến hạn trả:

	Loại tiền	Hợp đồng vay	Lãi suất	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2022	01/01/2022
						VND	VND
Vay ngắn hạn						182.734.757.403	233.708.980.198
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	VND	Thả nổi	8 tháng	Bổ sung vốn lưu động thực hiện hợp đồng thi công xây dựng hạng mục kho than tại Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	Tín chấp	24.168.155.863	25.668.690.110
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	Thả nổi	11 tháng	Bổ sung Vốn lưu động, bảo lãnh mở LC	Thế chấp	110.411.790.312	91.204.634.226
Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Bà Rịa - Vũng	VND	Thả nổi	1 năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Thế chấp	35.983.447.529	31.791.176.260
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Vũng Tàu	VND	Thả nổi	3 tháng	Bổ sung vốn lưu động thực hiện gói thầu A2 "kho chứa và các đường ống dẫn liên kết" của dự án tổ hợp LSP theo hợp đồng số LSP-CA-147 ngày 25/06/2018;	Thế chấp	-	70.940.704.570
Đối tượng khác	VND	(*)	1 năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh	Tín chấp	12.171.363.699	14.103.775.032
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả						618.324.762.135	623.002.968.174
						<u>801.059.519.538</u>	<u>856.711.948.372</u>

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố/bảo lãnh với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

(*) Các khoản vay đối tượng khác là vay cá nhân có lãi suất từ 0% đến 12%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số dư gốc vay ngắn hạn đã quá hạn, chưa được thanh toán của Tổng Công ty là 24.168.155.863 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 25.668.690.110 VND), Tổng Công ty vẫn đang tìm các giải pháp để thanh toán các khoản gốc vay quá hạn nêu trên.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

	Loại tiền	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Hình thức đảm bảo	31/12/2022	01/01/2022
						VND	VND
Vay dài hạn							
Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương						579.221.082.135	594.216.851.389
- Hợp đồng số 603/2011/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 20/10/2010	VND	4,90%	Năm 2017	Đầu tư vốn vào Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Tin chấp	200.000.000.000	200.000.000.000
- Hợp đồng số 602/2011/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 30/06/2011	VND	4,90%	Năm 2017	Vay đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái	Tin chấp	65.000.000.000	65.000.000.000
- Hợp đồng số 10/2010/HDTD-Oceanbank-PVC ngày 30/06/2011	VND	5,50%	Năm 2017	Thực hiện thanh toán và bù đắp thanh toán đầu tư nhận chuyển nhượng từ PVFC theo Hợp đồng mua bán/Hợp đồng chuyển nhượng	Tin chấp	314.221.082.135	329.216.851.389
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam						89.295.080.000	90.242.206.873
- Hợp đồng số 02/2015/HDDHMPVB-CNTB ngày 04/06/2015	VND	Thả nổi	Năm 2027	Bù đắp vốn đầu tư công trình Khách sạn Dầu khí Thái Bình	Tin chấp	89.295.080.000	90.242.206.873
Ngân hàng TMCP Quốc Dân	VND	11,00%	Năm 2024	Đầu tư mua máy móc thiết bị	Thế chấp	417.400.000	961.309.912
						668.933.562.135	685.420.368.174
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng						(618.324.762.135)	(623.002.968.174)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng						50.608.800.000	62.417.400.000

Các khoản vay từ ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp/cầm cố với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Theo Nghị quyết số 7548/ND-DKVN ngày 29/10/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09/12/2014 của OceanBank, thời hạn các khoản vay Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương được gia hạn đến ngày 31/12/2017, lãi suất áp dụng cho các khoản vay kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31/12/2014 là 2,4%/năm và lãi suất 1%/năm từ ngày 01/01/2015; từ ngày 01/01/2018 khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, các khoản vay đã quá hạn thanh toán, Tổng Công ty vẫn đang tìm các biện pháp để thanh toán gốc vay nêu trên.

24 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Dự phòng phải trả khác	2.616.500.000	1.831.227.000
	<u>2.616.500.000</u>	<u>1.831.227.000</u>
b) Dài hạn		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	12.637.246.584	15.519.088.584
	<u>12.637.246.584</u>	<u>15.519.088.584</u>

25 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn Chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối (đã điều chỉnh)	Lợi ích cổ đông không kiểm soát (đã điều chỉnh)	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước (đã điều chỉnh)	4.000.000.000.000	6.831.719.482	22.681.220.411	(2.862.805.993)	157.678.294.436	2.162.412.232	(3.962.608.469.953)	967.213.171.112	1.191.095.541.727
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	76.511.220.570	(29.409.520.744)	47.101.699.826
Thay đổi do mất quyền kiểm soát tại công ty con	-	-	-	2.833.085.798	(8.448.644.905)	-	5.615.559.109	(432.755.575.926)	(432.755.575.925)
Điều chỉnh khác	-	-	-	-	1.629.778.284	-	(2.193.228.488)	(67.929.617)	(651.379.821)
Số dư cuối năm trước	4.000.000.000.000	6.831.719.482	22.681.220.411	(29.720.195)	150.859.427.814	2.162.412.232	(3.882.674.918.762)	504.960.144.825	804.790.285.807
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	47.013.084.360	(44.085.420.482)	2.927.663.878
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(4.958.123.645)	2.860.151.240	(2.097.972.405)
Số dư cuối năm nay	4.000.000.000.000	6.831.719.482	22.681.220.411	(29.720.195)	150.859.427.814	2.162.412.232	(3.840.619.958.047)	463.734.875.583	805.619.977.280

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2022	Tỷ lệ	01/01/2022	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47	2.178.733.330.000	54,47
Các đối tượng khác	1.821.266.670.000	45,53	1.821.266.670.000	45,53
Cộng	4.000.000.000.000	100	4.000.000.000.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	400.000.000	400.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.971	2.971
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.971	2.971
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	399.997.029	399.997.029
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	399.997.029	399.997.029
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của Công ty

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	150.859.427.814	150.859.427.814
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	2.162.412.232	2.162.412.232
	153.021.840.046	153.021.840.046

26 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
USD	12.030.160,63	12.628,73

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	11.112.006.001	11.112.006.001

27 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu kinh doanh bất động sản	8.520.111.090	121.360.959.497
Doanh thu cung cấp dịch vụ	95.137.490.377	66.992.623.308
Doanh thu hợp đồng xây dựng	1.650.410.279.760	1.844.809.924.979
Doanh thu khác	28.842.579.395	25.672.677.656
	<u>1.782.910.460.622</u>	<u>2.058.836.185.440</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	235.395.000
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>1.782.910.460.622</u>	<u>2.058.600.790.440</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	1.210.802.429.954	739.718.672.512

28 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá bất động sản	4.360.776.854	171.586.901.684
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	89.550.683.928	67.654.537.038
Giá vốn hợp đồng xây dựng	1.528.342.062.229	1.939.859.832.592
Giá vốn khác	23.475.053.406	18.722.722.060
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	6.655.423.111	(47.275.575.988)
	<u>1.652.383.999.528</u>	<u>2.150.548.417.386</u>
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan Tổng giá trị mua vào: (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	12.911.000.125	35.147.568.221

29 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.393.741.717	6.934.598.888
Lãi bán các khoản đầu tư	-	173.744.682.885
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	12.156.649.581	634.609.507
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	51.047.045
	<u>30.550.391.298</u>	<u>181.364.938.325</u>

30 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	39.156.039.609	49.198.879.391
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.640.947.134	3.267.008.276
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	8.211.659.911	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	3.000.000.000	16.128.563
Chi phí tài chính khác	7.022.274.446	7.061.882.466
	<u>59.030.921.100</u>	<u>59.543.898.696</u>
Trong đó: Chi phí tài chính mua từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 42)	19.627.749.158	19.323.270.845

31 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	958.772.645	1.411.123.461
Chi phí nhân công	71.966.880.523	92.123.855.373
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	549.969.393	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.847.655.922	7.247.168.491
Thuế, phí và lệ phí	7.514.740.729	2.348.575.410
Chi phí/(Hoàn nhập) dự phòng	(30.817.071.440)	(131.345.806.840)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.338.246.706	25.092.135.981
Chi phí khác bằng tiền	16.839.674.933	21.029.752.025
	94.198.869.411	17.906.803.901

32 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	4.212.890.598	1.878.891.718
Lãi vay được miễn giảm	-	17.233.008.149
Tiền phạt thu được	498.719.303	-
Thu nhập khác	3.387.191.405	14.589.983.929
	8.098.801.306	33.701.883.796

33 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tiền chậm nộp thuế, các khoản bị phạt	7.409.007.218	4.175.699.025
Các khoản khác	5.439.693.617	4.384.533.729
	12.848.700.835	8.560.232.754

34 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	697.942.245	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại (các) Công ty con	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	697.942.245	-

35 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản Thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	17.335.686.208	16.529.942.280
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17.335.686.208	16.529.942.280

b) Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(924.657.952)	1.916.886.748
	(924.657.952)	1.916.886.748

36 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	47.013.084.360	76.511.220.570
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	47.013.084.360	76.511.220.570
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	399.997.029	399.997.029
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	118	191

Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

37 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	165.438.554.760	132.520.036.961
Chi phí nhân công	322.069.408.109	314.527.784.123
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	636.469.481	367.025.347
Chi phí khấu hao tài sản cố định	48.198.934.827	65.117.797.114
Thuế, phí và lệ phí	3.729.928.526	2.348.575.410
Chi phí dự phòng	(36.678.678.543)	(27.601.432.757)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.375.395.539.184	914.312.006.192
Chi phí khác bằng tiền	115.421.272.599	19.729.600.672
	1.994.211.428.943	1.421.321.393.062

38 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

a) Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	402.179.809.523	629.084.522.220

b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	469.640.838.357	902.013.104.400

39 CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIẾM TẮNG

a) Bảo lãnh cho các khoản vay

Tại ngày 31/12/2022, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức nhận bảo lãnh	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh cuối năm	Dư nợ vay quá hạn cuối năm	Dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả cuối năm
			VND	VND	VND
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/04/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đông Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/07/2011 đến ngày 26/07/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (*)	Ngân hàng TNHH MTV Đại dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/08/2012	17.103.570.845	17.103.570.845	-
			155.046.350.336	155.046.350.336	137.942.779.491

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngày sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng. Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2022:

- (i) Các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoản 91 tỷ VND;
 - (ii) Các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoản 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên.
- Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là khoảng 42,8 tỷ VND (xem thuyết minh số 08).

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 kỳ ngày 10 tháng 03 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang làm làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tang khả năng thanh toán của Tổng Công ty.

(*) Trong năm 2016, Tổng công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng công ty tại thư bảo lãnh cho công ty CP xây lắp dầu khí Sài Gòn (PVC - SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) - chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi. Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng công ty đã đánh giá và thống nhất việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC - SG tại OceanBank - chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính năm 2016.

Ngày 18 tháng 08 năm 2016, PVC - SG gửi công văn số 58/XLDKSG gửi Tổng công ty báo cáo một số nội dung liên quan đến tài sản đảm bảo cho các khoản vay ủy thác và tình hình làm việc với OceanBank. Theo đó, ngày 10 tháng 08 năm 2016, OceanBank - chi nhánh Sài Gòn đã gửi cho PVC - SG công văn số 784/2016/CV - CNSG trả lời phương án xử lý nợ của PVC - SG. Tại công văn này, OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn đã chấp thuận cho PVC - SG thực hiện phương án đầu tư kinh doanh Dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2,3, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Dự án Vị Thanh) cũng như giải chấp từng phần tài sản đảm bảo để PVC - SG bán hàng/ bán tài sản, tạo nguồn trả nợ cho OceanBank và PVC - SG trả toàn bộ dư nợ gốc (khoảng 148 tỷ VND).

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2022, PVC - SG đã trả được 131 tỷ VND/148 tỷ VND nợ gốc, đồng thời PVC - SG thực hiện khá tốt phương án trả nợ mà OceanBank - chi nhánh Sài Gòn đưa ra. Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả công ty mẹ - Tổng công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC - SG có đủ khả năng thanh toán cho OceanBank.

b) Bảo lãnh thanh toán

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng công ty đã ký hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL TT - PVCTB với công ty TNHH Du lịch dầu khí Thái Bình (nay là Công ty CP đầu tư và Thương Mại Dầu khí Thái Bình (PVC - Thái Bình) - Công ty con của Tổng Công ty) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC - Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Tổng công ty cam kết và bảo đảm với Tổng công ty thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC - Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP với PVC - Thái Bình. Thư bảo lãnh có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC - Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên.

Trong năm 2016, Tổng công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC - Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVE.

c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ

Tổng công ty là Nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol Nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTCP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị. Theo đó Thanh tra chính phủ kiến nghị Tổng công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với Chủ đầu tư do vi phạm hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính Phủ cũng ban hành thông báo số 3130/TB-TTCP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó Thanh tra Chính phủ kiến nghị:

- (i) Giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối;
- (ii) Giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lặp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính Phủ nêu trên dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng công ty trong các Thông báo nêu trên.

Trong năm, Tổng công ty đã nhận được kết luận Thanh tra Chính phủ số 2090/KL-TTCP ngày 23/11/2022 về việc chấp hành chính sách, pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong giai đoạn 2008-2013. Tổng công ty đã và đang phối hợp với các bên có liên quan để thực hiện các kiến nghị của Thanh tra Chính phủ theo văn bản nêu trên.

d) Công nợ tiềm tàng

Tài ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng công ty và các công ty con đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải thu, phải trả và công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng, lãi phạt chậm nộp tương ứng với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Kết quả của các vụ kiện và các công nợ tiềm tàng khác này là chưa xác định được.

40 THÔNG TIN KHÁC

a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng công ty thi công

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng công ty chứa đựng những rủi ro về sự biến động giá trị thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng công ty. Tuy nhiên, Ban tổng giám đốc Tổng công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty không thể lường hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2

Tổng công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với ban quản lý dự án điện lực dầu khí Thái Bình 2 (Trực thuộc tập đoàn Dầu Khí Việt Nam) với giá trị khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình. Theo công văn số 737/TTG-KTN ngày 23 tháng 05 năm 2014 của Thủ tướng chính phủ, công trình nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013-2020.

Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng chính phủ.

Theo quyết định của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc tạm chấp thuận phương án thực hiện Hợp đồng EPC Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, doanh thu dự kiến để thực hiện dự án là 926,6 triệu USD và 11.076,2 tỷ VND; giá vốn dự kiến để thực hiện dự án của là 921,2 triệu USD và 11.402,1 tỷ VND; tỷ lệ lỗ góp dự kiến của toàn dự án là 0,67%. Đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty và Ban quản lý dự án điện lực Dầu khí Thái Bình 2 đang đàm phán, thống nhất và ký các phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng EPC. Đồng thời, Tổng Công ty đã và đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu phụ để ký lại phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng với các nhà thầu phụ. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá đây là ước tính tốt nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này và số liệu dự toán này luôn được soát xét và cập nhật để phản ánh đúng diễn biến lãi/lỗ thực hiện của dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Theo đó, Tổng công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn của công trình này theo tỷ lệ lỗ góp như dự kiến trên.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Ngày 28 tháng 09 năm 2009, Tổng công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm giá trị thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng công ty đã ký. Tổng công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với quyết định của Tổng công ty, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty tin tưởng rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung.

b) Thông tin tái cơ cấu Tổng công ty

Theo Nghị quyết số 332/NQ-XLDK-ĐHĐCĐ ngày 11/10/2022 của Đại Hội đồng Cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt tái cơ cấu Tổng Công ty giai đoạn 2021-2025:

- Tổng công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2021-2025 gồm: Công ty Cổ phần xây lắp Đường ống bể chứa dầu khí (PVC-PT) và công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy dầu khí (PVC-MS).
- Tổng công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2021-2025.
- Các công ty: Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy dầu khí (PVC-ME), Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) và Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu Khí (PVC-Mekong) sẽ xử lý giải thể và phá sản trong trường hợp Tổng công ty không thể thoái vốn.
- Tổng công ty sẽ thoái vốn toàn bộ các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và chứng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2021-2025.

41 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính hợp nhất này.

42 NGHIỆP VỤ VÀ SỞ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (PVN)	Công ty mẹ
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Viện Dầu khí Việt Nam	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Sản xuất Ống thép Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển công nghiệp tàu thủy phía Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Công ty TNHH MTV Tổng công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty CP Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Công ty liên kết
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Công ty liên kết
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty CP Khách sạn Lam Kinh	Công ty liên kết
Công ty CP Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Công ty liên kết
Công ty CP Trang trí Nội thất Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty CP Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Công ty liên kết
Công ty CP Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	Công ty liên kết

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	1.210.802.429.954	739.718.672.512
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	1.208.301.648.770	765.889.542.477
Viện Dầu khí Việt Nam	(7.716.397)	(27.859.842.802)
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	1.073.570.914	250.412.837
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	1.434.926.667	1.438.560.000
Mua hàng hóa dịch vụ	32.538.749.283	54.470.839.066
Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	12.809.545.580	35.147.568.221
Viện Dầu khí Việt Nam	101.454.545	-
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	19.627.749.158	19.323.270.845

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Hội đồng quản trị		2.697.852.923	1.512.754.578
Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch HĐQT bổ nhiệm ngày 04/11/2021	711.573.063	374.077.486
Ông Nguyễn Đình Thế	Chủ tịch HĐQT miễn nhiệm ngày 24/06/2020	-	25.968.767
Ông Lương Đình Thành	Thành viên HĐQT miễn nhiệm ngày 05/11/2021	75.374.000	396.246.532
Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên độc lập HĐQT	337.050.000	208.962.727
Ông Trần Hải Bằng	Thành viên HĐQT	520.122.405	136.508.000
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên HĐQT	627.780.716	370.991.066
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên HĐQT bổ nhiệm ngày 20/01/2022	425.952.738	-
Ban Tổng Giám đốc		2.920.758.893	1.615.571.861
Ông Phan Tử Giang	Tổng giám đốc	578.334.951	147.840.455
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng giám đốc	692.554.114	383.431.065
Ông Vũ Chí Cường	Phó Tổng Giám đốc miễn nhiệm ngày 03/06/2021	53.330.000	157.342.524
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 03/06/2021	110.006.864	170.332.000
Ông Vũ Mạnh Quang	Phó Tổng Giám đốc bổ nhiệm ngày 16/09/2021	54.000.000	15.000.000
Ông Hoàng Quyết Thắng	Phó Tổng giám đốc bổ nhiệm ngày 26/01/2022	54.000.000	-
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng giám đốc	729.048.325	406.069.275
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng giám đốc	649.484.639	335.556.542
Ban Kiểm soát		666.007.456	475.059.864
Ông Hứa Xuân Nam	Trưởng Ban Kiểm soát	601.207.456	328.082.123
Ông Vũ Trọng Quốc Thịnh	Trưởng Ban Kiểm soát miễn nhiệm ngày 03/03/2021	-	125.377.740
Ông Phùng Văn Sỹ	Thành viên Ban Kiểm soát	32.400.000	10.800.000
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Thành viên Ban Kiểm soát	32.400.000	10.800.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Tổng Công ty.

43 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH kiểm toán VACO kiểm toán. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Theo đó số liệu được điều chỉnh cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước	Số liệu điều chỉnh lại	Chênh lệch	Ghi chú
		VND	VND		
a) Bảng cân đối kế toán hợp nhất					
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	285.612.744.812	290.612.744.812	5.000.000.000	(2)
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	2.343.742.396.316	2.339.675.548.122	(4.066.848.194)	(1)
- Phải thu ngắn hạn khác	136	394.465.127.751	389.470.924.441	(4.994.203.310)	(1) (2)
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(1.126.635.381.423)	(1.128.596.060.414)	(1.960.678.991)	(1)
- Hàng tồn kho	141	1.876.667.985.317	1.875.761.994.544	(905.990.773)	(1)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	33.869.362.776	33.869.362.777	1	(2)
- Phải trả người bán ngắn hạn	311	3.140.545.442.959	3.140.552.228.830	6.785.871	(1)
- Chi phí phải trả ngắn hạn	315	593.037.311.868	588.087.217.143	(4.950.094.725)	(1)
- Phải trả ngắn hạn khác	319	538.448.384.266	579.985.571.361	41.537.187.095	(2)
- Vốn khác của chủ sở hữu	414	3.063.276.245	22.681.220.411	19.617.944.166	(2)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(3.881.614.450.193)	(3.882.674.918.762)	(1.060.468.569)	(1)
- Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	567.039.219.930	504.960.144.825	(62.079.075.105)	(1) (2)
b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất					
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	2.062.745.839.220	2.058.836.185.440	(3.909.653.780)	(1)
- Giá vốn hàng bán	11	2.158.452.769.973	2.150.548.417.386	(7.904.352.587)	(1)
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17.859.060.518	17.906.803.901	47.743.383	(1)
- Chi phí khác	32	8.559.764.007	8.560.232.754	468.747	(1)
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	45.072.099.897	49.018.586.574	3.946.486.677	(1)
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	43.155.213.149	47.101.699.826	3.946.486.677	(1)
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61	72.564.733.893	76.511.220.570	3.946.486.677	(1)
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	181	191	10	(1)

	Mã số	Số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm trước VND	Số liệu điều chỉnh lại VND	Chênh lệch	Ghi chú
c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất					
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	65.117.797.115	65.251.165.217	133.368.102	(1)
- Các khoản dự phòng	03	(179.987.059.046)	(179.940.304.845)	46.754.201	(1)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(194.536.454.241)	(194.552.371.104)	(15.916.863)	(1)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(130.446.060.587)	(121.588.193.207)	8.857.867.380	(1)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	895.000.110.773	880.623.265.909	(14.376.844.864)	(1)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(286.981.439.215)	(301.216.404.074)	(14.234.964.859)	(1)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	12.940.424.870	11.389.150.125	(1.551.274.745)	(1)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(18.615.650.685)	(1.423.140.632)	17.192.510.053	(1)
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.545.875.826	4.547.890.744	2.014.918	(1)

(1) Điều chỉnh lại số liệu đầu kỳ theo số liệu Báo cáo tài chính sau kiểm toán của Công ty CP Phát triển Đô thị Dầu khí.

(2) Điều chỉnh lại một số khoản mục cho phù hợp với số liệu so sánh năm nay.



Nguyễn Thị Thu Anh
Người lập biểu




Vũ Minh Công
Kế toán trưởng

Phan Tử Giang
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2023

